



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lào Cai, ngày 06 tháng 04 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG
KHOẢN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOẢN HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;

Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN 3 - VIMICO**

Mã chứng khoán: **MC3**

Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 30, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai

Điện thoại: 02143.821.292

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Mai Văn Thành

Địa chỉ: Tổ 30, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai

Điện thoại: 0916468800

Loại thông tin công bố:

☐ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ Bất thường ☐ Theo yêu cầu ☒ Định kỳ

Nội dung thông tin cần công bố: Báo cáo thường niên năm 2019.

Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ nội dung công bố thông tin: www.khoangsan3.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2019.

Người thực hiện CBTT

Mai Văn Thành

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN 3 – VIMICO



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2019

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	4
NỘI DUNG	5
I. Thông tin chung.....	5
1. Thông tin khái quát	5
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	6
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	7
4. Định hướng phát triển	11
II. Tình hình hoạt động trong năm	15
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	15
2. Tổ chức và nhân sự	18
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	23
4. Tình hình tài chính	23
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	25
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	26
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc	29
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	29
2. Tình hình tài chính	34
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	36
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	36
5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	38
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty.....	38
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty	38
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	38
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty	39
V. Quản trị công ty.....	42
1. Hội đồng quản trị	42
2. Ban Kiểm soát	44
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát	45
VI. Báo cáo tài chính.....	46
1. Ý kiến của Kiểm toán viên.....	46
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.....	47

DANH MỤC BẢNG BIỂU, SƠ ĐỒ

Bảng số 1: Ngành nghề kinh doanh của Công ty	6
Bảng số 2: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 – 2019	15
Bảng số 3: Cơ cấu doanh thu năm 2018 – 2019	16
Bảng số 4: Cơ cấu chi phí năm 2018 – 2019	16
Bảng số 5: Kết quả thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh so với kế hoạch.....	17
Bảng số 6: Danh sách thành viên Ban Điều hành.....	18
Bảng số 7: Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2019	22
Bảng số 8: Tình hình tài chính của Công ty	24
Bảng số 9: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	24
Bảng số 10: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2019.....	25
Bảng số 11: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên tại thời điểm 31/12/2019	25
Bảng số 12: Lượng nguyên vật liệu chính được sử dụng trong năm 2019	26
Bảng số 13: Mức lương trung bình đối với người lao động	27
Bảng số 14: Số giờ đào tạo trung bình năm 2019	28
Bảng số 15: Tình hình tài sản của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2019	34
Bảng số 16: Tình hình nợ phải trả của Công ty năm 2018 – 2019	35
Bảng số 17: Thành viên Hội đồng quản trị	42
Bảng số 18: Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.....	44
Bảng số 19: Thành viên Ban Kiểm soát.....	45
Bảng số 20: Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát	45
Sơ đồ 1: Sơ đồ tổ chức của Công ty.....	7

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

QĐ	Quyết định
UBND	Ủy ban nhân dân
DTT	Doanh thu thuần
TSCĐ	Tài sản cố định
BCTC	Báo cáo tài chính
HĐQT	Hội đồng quản trị
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐLĐ	Hợp đồng lao động
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CA	Công an
TP	Thành phố
CMND	Chứng minh nhân dân
CTCP	Công ty cổ phần
BKS	Ban Kiểm soát
TCT	Tổng công ty
SXKD	Sản xuất kinh doanh

NỘI DUNG

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN 3 – VIMICO
- Tên tiếng Anh : MINERALS JOINT STOCK COMPANY N03 – VIMICO
- Tên viết tắt : MICO 3 – VIMICO
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số : 0500204315 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/9/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 04 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp ngày 25/07/2014
- Vốn điều lệ : 35.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 35.000.000.000 đồng
- Địa chỉ : Tổ 30, phường Duyên Hải, TP.Lào Cai, tỉnh Lào Cai
- Số điện thoại : 0214.3821292
- Số fax : 0214.3828804
- Website : <http://khoangsan3.com.vn>
- Mã cổ phiếu : MC3

✦ Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico tiền thân là Công ty phát triển Khoáng sản 3 chính thức thành lập theo Quyết định số 590/BCN – TC ngày 04/8/1992 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng trên cơ sở hợp nhất 2 Xí nghiệp Địa chất khai thác khoáng sản 303 Thanh Sơn – Phú Thọ và Xí nghiệp Địa chất Khoáng sản 307 Kim Bôi – Hòa Bình có trụ sở đóng tại xã Tân Lĩnh, huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội).

Tháng 8/1999, Bộ Công nghiệp ra quyết định số 31/2005/QĐ – BCN về việc sát nhập Công ty Khoáng sản 304 Lào Cai và Công ty Phát triển Khoáng sản 3.

Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) ban hành Quyết định số 550/QĐ – BCN ngày 13/02/2007 về việc cổ phần hóa Công ty thành Công ty cổ phần Khoáng sản 3 thuộc Tổng Công ty Khoáng sản – Vinacomin (Tổng Công ty Khoáng sản – TKV thuộc Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam ngày nay). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500204315 và hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần kể từ ngày 30/9/2008, với vốn điều lệ là 11 tỷ đồng.

Ngày 13/10/2010, Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng theo công văn số 3276/UBCK – QLPH.

Đến tháng 5/2011, để thuận tiện cho công tác điều hành sản xuất, Công ty đã di chuyển trụ sở đến địa chỉ tổ 30, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Ngày 23/12/2013, Công ty được Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500204315 thay đổi lần thứ 03 với vốn điều lệ là 35 tỷ đồng.

Ngày 12/5/2016, Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán lần đầu số 47/2016/GCNCP-VSD.

Ngày 22/02/2017, Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu theo Quyết định số 133/QĐ-SGDHN.

Ngày 14/6/2017, Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico chính thức được giao dịch trên thị trường UPCOM với giá tham chiếu ngày giao dịch đầu tiên là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Ngày 04/10/2018, Công ty được Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp Giấy xác nhận số 7801/18 về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

✦ Ngành nghề kinh doanh:

Bảng số 1: Ngành nghề kinh doanh của Công ty

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác quặng sắt	0710 (Chính)
2	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: - Bán buôn, xuất nhập khẩu dầu mỏ, dầu thô, diesel nhiên liệu, xăng, dầu nhiên liệu, dầu đốt nóng, dầu hỏa; - Bán buôn, xuất nhập khẩu Khí dầu mỏ, khí butan và propan đã hóa lỏng; - Bán buôn, xuất nhập khẩu xăng dầu đã tinh chế: Xăng, diesel, mazout, nhiên liệu máy bay, dầu đốt nóng, dầu hỏa; - Bán buôn, xuất nhập khẩu dầu nhờn, mỡ nhờn, các sản phẩm dầu mỏ đã tinh chế khác.	4661
3	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ nhiên liệu, dầu, mỡ bôi trơn và sản phẩm làm mát động cơ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác.	4730

STT	Tên ngành	Mã ngành
	loại khoáng sản, thiết bị, vật tư phục vụ cho công tác thăm dò, khai thác mỏ, chế biến và tuyển luyện khoáng sản. Lập dự án, tư vấn đầu tư, thi công các công trình địa chất, khai thác mỏ, các công trình tuyển luyện, chế biến khoáng sản, công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, giao thông, thủy lợi, xây lắp điện dân dụng, điện công nghiệp quy mô vừa và nhỏ. Thăm dò, khai thác, tuyển khoáng, luyện kim, chế biến, kinh doanh các loại khoáng sản.	nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

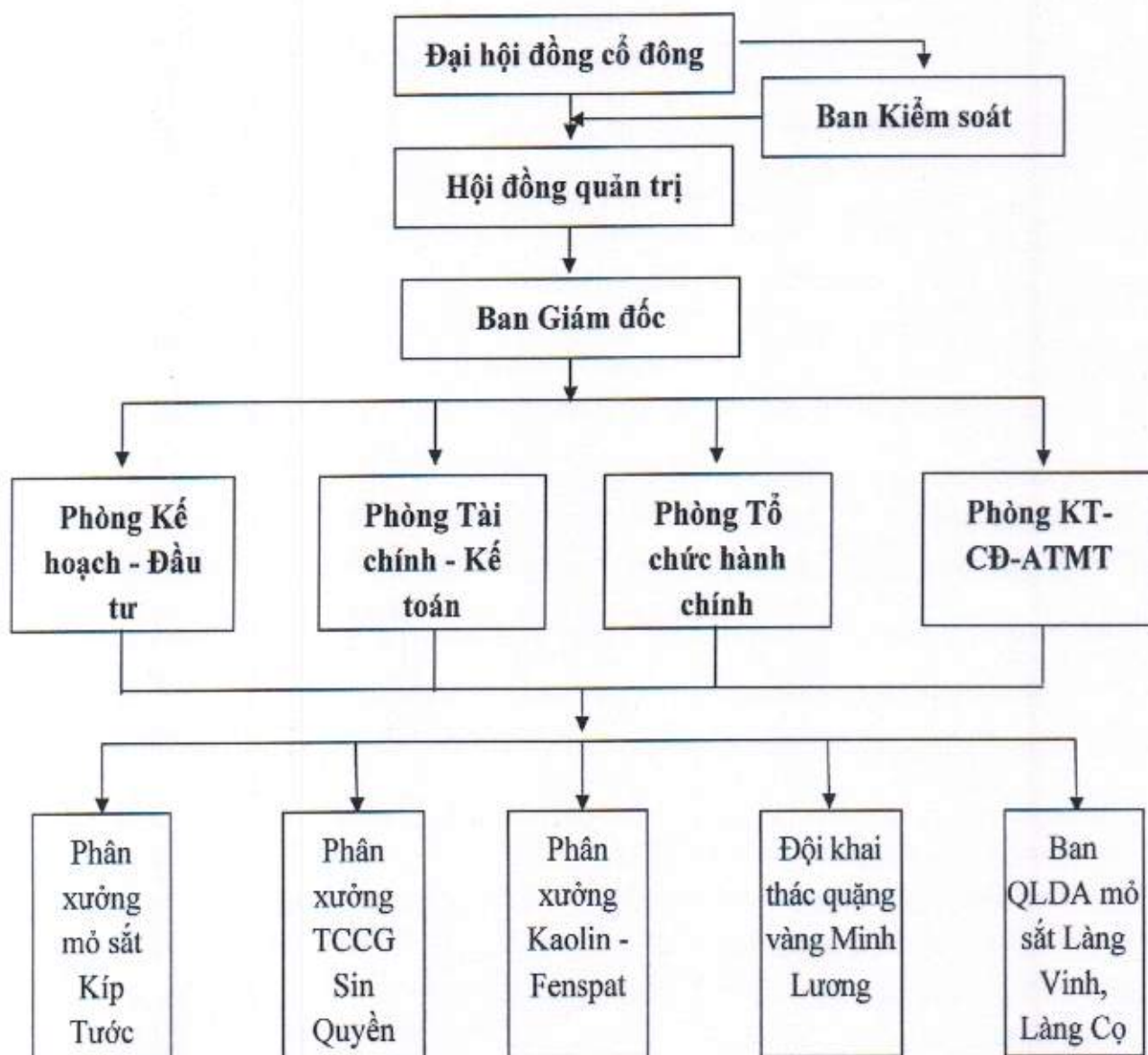
(Nguồn: Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp ngày 04/10/2018)

✳ Địa bàn kinh doanh: Tỉnh Lào Cai, tỉnh Phú Thọ, thành phố Hà Nội.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1 Mô hình quản trị:

Sơ đồ 1: Sơ đồ tổ chức của Công ty



3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý:

✦ Đại hội đồng Cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Pháp luật quy định. Đại hội cổ đông có các quyền: thông qua định hướng phát triển của Công ty, thông qua các nội dung hợp đồng thường niên hàng năm; thông qua tổ chức lại và giải thể Công ty; Bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

✦ Hội đồng quản trị:

Do ĐHĐCĐ bầu ra, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Hội đồng quản trị (HĐQT) giữ vai trò định hướng chiến lược, kế hoạch hoạt động hàng năm sau khi được ĐHĐCĐ thông qua, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty thông qua Ban Điều hành.

✦ Ban Kiểm soát:

Do ĐHĐCĐ bầu ra, thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

✦ Ban Giám đốc:

Điều hành chung mọi hoạt động của Công ty, chịu trách nhiệm về hiệu quả SXKD trước HĐQT và Đại hội đồng cổ đông; xây dựng phương án, chiến lược hoạt động và triển khai thực hiện các chiến lược đó sau khi đã được HĐQT phê chuẩn, trực tiếp phụ trách các lĩnh vực kinh doanh, tài chính, kế hoạch, vật tư, tổ chức nhân sự...

✦ Phòng Tài chính - Kế toán:

- Chủ trì xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện công tác hạch toán kế toán, công tác tài chính trong lĩnh vực quản lý tài chính kế toán - thống kê trong Công ty trên cơ sở Luật Kế toán Thống kê để áp dụng cho phù hợp.
- Xây dựng báo cáo quyết toán các công trình xây dựng cơ bản, hoàn thành các dự án được phân cấp theo thẩm quyền, theo quy chế về quản lý đầu tư xây dựng.
- Theo dõi quản lý sử dụng vốn góp của các cổ đông của Công ty, đề xuất các biện pháp để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trên cơ sở bảo toàn và phát triển vốn SXKD.
- Lưu trữ và quản lý các hồ sơ, chứng từ kế toán, sổ sách kế toán theo qui định của pháp luật, quản lý và đảm bảo an toàn trong việc nhận, vận chuyển, bảo quản tiền mặt, ngoại tệ.
- Thực hiện công tác báo cáo kế toán, thống kê, kết quả sản xuất kinh doanh, công khai tài chính theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm về các số liệu kế toán thống kê kết quả SXKD của công ty.
- Tham gia việc định giá, đấu giá, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán các hợp đồng kinh tế, đầu tư mua bán tài sản hàng hóa.
- Kiểm tra, giám sát các khoản thu, chi tài chính, các nghĩa vụ thu nộp ngân sách, thanh toán công nợ.
- Kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản, phát hiện

🔧 Phòng Tổ chức hành chính:

- Tổ chức quản lý công tác quản trị hành chính văn phòng, quản lý các loại tài sản, phương tiện làm việc chung của Công ty, lập kế hoạch mua sắm trang bị, sửa chữa thiết bị văn phòng trình Giám đốc duyệt sau đó tổ chức thực hiện.
- Chủ trì đề án, qui hoạch, kế hoạch sắp xếp đổi mới phát triển doanh nghiệp (thành lập mới, chia tách, sáp nhập, giải thể, liên doanh liên kết.v.v...). Kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy, tổ chức quản lý, tổ chức mô hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Xây dựng, sửa đổi điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, quy chế quản lý tổ chức bộ máy cán bộ, tổ chức lao động tiền lương. Tổng hợp đánh giá trình duyệt xếp hạng doanh nghiệp, đánh giá công tác qui hoạch cán bộ, quản lý cán bộ, quản lý CNVC, mô hình tổ chức SXKD, công tác tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng, sử dụng CBCNV, điều động CBCN phục vụ yêu cầu công tác.v.v
- Xây dựng, trình duyệt quy chế quản lý tiền lương, tiền thưởng, phân phối thu nhập, là thường trực Hội đồng trả lương của Công ty.
- Phối hợp các phòng tổ chức nghiệm thu, thanh toán trả lương cho người lao động, đồng thời kiểm tra việc trả lương của các đơn vị tới người lao động.
- Chủ trì triển khai, đôn đốc, kiểm tra thực hiện chính sách, pháp luật lao động, chính sách xã hội đối với người lao động.
- Xây dựng và tổ chức thực hiện hệ thống định mức, định biên lao động, tiền lương trong toàn Công ty, xây dựng phương án sử dụng lao động, tuyển dụng, đào tạo nâng cao trình độ cho CBCNV.
- Thực hiện công tác báo cáo công tác cán bộ, lao động tiền lương theo qui định.
- Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết đơn từ khiếu tố sau khi được Công ty giao, tổ chức tiếp công dân theo ủy quyền của lãnh đạo Công ty.
- Chủ động phối hợp cùng cơ quan công an, quân sự địa phương nắm, phân tích và đánh giá tình hình có liên quan tác động đến công tác bảo vệ an ninh trật tự, an ninh quốc phòng, an toàn tài sản của Công ty. Xây dựng phương án bảo vệ nội bộ, đề xuất các biện pháp phòng ngừa, tham mưu, xử lý kịp thời các sai phạm, đôn đốc kiểm tra các đơn vị thành viên thực hiện công tác bảo vệ, quân sự.

🔧 Phòng Kế hoạch – Đầu tư:

- Chủ trì và tổng hợp các phòng để xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn, trung hạn, kế hoạch hàng năm của Công ty.
- Xây dựng các biện pháp quản lý kế hoạch, quản trị chi phí, giá thành sản phẩm, công tác đầu tư, xây dựng chỉ tiêu định mức kinh tế, kỹ thuật làm cơ sở để giao cho các đơn vị sản xuất của Công ty.
- Làm hồ sơ văn bản thương lượng ký kết các hợp đồng kinh tế, theo dõi triển khai thực hiện các hợp đồng đã ký và làm thủ tục quyết toán thanh lý các hợp đồng đã thực hiện.
- Xây dựng kế hoạch tiêu thụ sản phẩm (kể cả xuất nhập khẩu) trình lãnh đạo Công ty phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch.
- Xây dựng quy chế, hồ sơ đấu thầu, cung ứng vật tư thiết bị hàng hóa, đấu giá tiêu thụ sản phẩm, công tác kinh doanh thương mại.

- Thực hiện công tác tiếp thị, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm đạt hiệu quả cao nhất với chất lượng, giá cả tốt nhất.
- Xây dựng và tổ chức thực hiện hệ thống định mức, định biên lao động, tiền lương trong toàn Công ty.
- Phối hợp các phòng tổ chức nghiệm thu, thanh toán khối lượng giao khoán cho các đơn vị trực thuộc và người lao động, là thường trực Hội đồng nghiệm thu Công ty.
- ✚ **Phòng Kỹ thuật - Cơ điện - An toàn và Môi trường:**
 - Xây dựng chiến lược qui hoạch, kế hoạch sản xuất, khoa học công nghệ, định hướng phát triển về thăm dò, khai thác, chế biến, môi trường, kỹ thuật, sử dụng máy móc thiết bị để áp dụng vào lĩnh vực thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản và môi trường. Lập đề án thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, đề tài nghiên cứu khoa học, áp dụng tiến bộ khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật để áp dụng vào sản xuất kinh doanh của Công ty. Chỉ đạo, kiểm tra giám sát các vấn đề về kỹ thuật mỏ, quy trình quy phạm sản xuất và an toàn, hệ thống tiêu chuẩn khai thác mỏ.
 - Tham gia phối hợp các phòng tổ chức nghiệm thu, thanh toán khối lượng giao khoán cho các đơn vị trực thuộc và người lao động.
 - Lập kế hoạch, qui hoạch tổng hợp nhu cầu đầu tư đổi mới trang thiết bị kỹ thuật cơ điện. Nghiên cứu, xây dựng phương án kỹ thuật, áp dụng những thành quả Kế hoạch kỹ thuật mới vào sản xuất về lĩnh vực thiết bị cơ điện. Thực hiện quản lý công tác cơ điện của Công ty.
 - Hướng dẫn cách sử dụng vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị đồng thời lập kế hoạch sử dụng, bảo dưỡng, thay thế sửa chữa thiết bị trình lãnh đạo duyệt và tổ chức triển khai thực hiện.
 - Tham gia hội đồng thẩm định duyệt các dự án, hội đồng nghiệm thu kỹ thuật, hội đồng nghiệm thu công tác sửa chữa lớn về các nội dung có liên quan đến thiết bị cơ điện do Công ty làm chủ đầu tư.
 - Giám sát kiểm tra việc thực hiện chất lượng vật tư, phụ tùng thay thế các thiết bị...
 - Quản lý kỹ thuật, chăm sóc bảo dưỡng kỹ thuật các cấp, theo dõi vận hành sử dụng thiết bị.
 - Xây dựng kế hoạch đảm bảo An toàn - Môi trường cho toàn Công ty, xây dựng kế hoạch bảo hộ lao động hàng năm.
 - Kiểm tra công tác an toàn theo định kỳ và đột xuất của các tổ đội sản xuất.
- ✚ **Các phân xưởng:**

Là các đơn vị sản xuất thuộc Công ty có nhiệm vụ giúp Giám đốc tổ chức sản xuất theo kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra, bao gồm:

 - Phân xưởng mỏ sắt Kíp Tước – Địa chỉ: Thôn Kíp Tước, xã Hợp Thành, Cam Đường, tỉnh Lào Cai.
 - Phân xưởng Thi công cơ giới Sin Quyền – Địa chỉ: Xã Cốc Mỳ, Bát Xát, tỉnh Lào Cai.
 - Phân xưởng Kaolin – Fenspat – Địa chỉ: Xã Giáp Lai, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

✚ **Đội khai thác quặng vàng Minh Lương:**

- Cùng Công ty cổ phần Vàng Lào Cai quản lý, bảo vệ mỏ vàng Minh Lương.
- Tham gia khai thác quặng vàng cho Công ty cổ phần Vàng Lào Cai.

✚ **Ban Quản lý dự án mỏ sắt Làng Vinh, Làng Cọ:**

- Là đơn vị trực thuộc Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico, có chức năng thực hiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản mỏ, bảo vệ mỏ theo Giấy phép khai thác số 1150/GP - BTNMT ngày 18/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Giấy chứng nhận đầu tư số 12121000438 ngày 11/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai.
- Trực tiếp tham gia cùng các phòng ban Công ty thực hiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản từ thiết kế thi công công trình, giám sát, theo dõi nghiệm thu các hạng mục thi công công trình bảo đảm chất lượng hiệu quả theo đúng trình tự quản lý về đầu tư xây dựng của Nhà nước và các cấp trong đơn vị ban hành.
- Tổ chức triển khai thực hiện công tác quản lý, xây dựng kế hoạch, phối hợp với các cơ quan chức năng có thẩm quyền ngăn chặn, giải tỏa các hoạt động khai thác khoáng sản trái phép, bảo vệ Tài nguyên Khoáng sản tại mỏ.

3.3 Các công ty con, công ty liên kết

✚ **Các công ty con:**

Không có.

✚ **Các công ty liên kết:**

Không có.

4. Định hướng phát triển

✚ **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

- Tập trung đẩy mạnh sản xuất các sản phẩm, dịch vụ có lợi thế, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả SXKD. Đảm bảo an toàn, an ninh và an sinh, đảm bảo tiến độ, chất lượng đầu tư các dự án.
- Tối đa hóa các khoản lợi nhuận hợp lý cho Công ty, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước, đảm bảo quyền lợi cho người lao động và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

✚ **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

- Công ty đã xây dựng chiến lược phát triển bền vững dựa trên việc tuân thủ luật pháp và các quy tắc quản trị để đảm bảo an toàn phát triển trong mọi tình huống. Ngoài ra, Công ty còn chủ động đón nhận những cơ hội đầu tư tiềm năng, nâng cao năng lực quản trị, năng lực cạnh tranh, kiểm soát chi phí, chủ động về nguồn vốn, chủ động đối phó và giảm thiểu các rủi ro ảnh hưởng từ hệ thống chính sách vĩ mô, sự biến động thị trường.
- Trong sản xuất kinh doanh, Công ty gắn liền với định hướng: hoạt động đầu tư, phát triển và ứng dụng khoa học kỹ thuật hiện đại kết hợp với công nghệ quản lý tiên tiến để tạo ra những sản phẩm tối ưu cho xã hội, mang đến cho khách hàng những sản phẩm phù hợp, hiệu quả với mức chi phí thấp nhất và nỗ lực phấn đấu để Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico trở thành một thương hiệu mạnh ở trong và ngoài nước.
- Trong sản xuất, phát huy và khai thác tối đa các tiềm năng và nguồn lực sẵn có, khi có thời cơ tiếp tục mở rộng các hạng mục đầu tư, phát triển ngành nghề hay lĩnh

vực kinh doanh mới. Ngoài ra, công tác tiếp thị và phát triển thị trường của Công ty phải tạo thị phần vững chắc cho các sản phẩm của doanh nghiệp, chú trọng công tác xuất khẩu các sản phẩm của Công ty đặc biệt là các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao.

- Trong chiến lược của doanh nghiệp, Công ty luôn chú trọng đến yếu tố con người, coi con người là tài sản quý giá nhất, là nhân tố quyết định cho sự phát triển. Công ty thường xuyên áp dụng các chương trình đào tạo và huấn luyện kỹ năng để nâng cao, phát triển chất lượng nguồn nhân lực.

*** Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng):**

- Khai thác, chế biến khoáng sản đi đôi với công tác an toàn vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường. Công ty hướng tới việc hình thành nên một hệ thống sản xuất thân thiện với môi trường, giảm thiểu đến mức thấp nhất các chất thải nguy hại cũng như các ảnh hưởng tiêu cực khác đến môi trường;

- Quan tâm đến việc hỗ trợ công ăn việc làm và thu nhập cho các lao động địa phương, từng bước góp phần cải thiện đời sống, tạo sự đồng thuận cao giữa doanh nghiệp và địa phương cũng như môi trường thuận lợi cho sản xuất kinh doanh của Công ty.

5. Các rủi ro

5.1 Rủi ro kinh tế

Hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng bởi các biến động của nền kinh tế thế giới và Việt Nam, cũng như hoạt động của thị trường tài chính, tiền tệ. Những diễn biến bất lợi có thể dẫn đến suy thoái kinh tế, lạm phát, biến động tỷ giá, thắt chặt tín dụng và tăng giá của nguyên vật liệu đầu vào. Nền kinh tế thế giới trong năm 2019 tiếp tục tăng trưởng chậm lại. Căng thẳng thương mại giữa Mỹ - Trung và các vấn đề chính trị càng làm gia tăng đáng kể tính bất ổn của hệ thống thương mại toàn cầu, gây ảnh hưởng không nhỏ tới niềm tin kinh doanh, quyết định đầu tư và thương mại toàn cầu. Tuy nhiên trong các tháng cuối năm 2019, các nguy cơ từ việc kinh tế Mỹ suy thoái đã giảm đi, cùng với khả năng thương mại Mỹ - Trung đã đạt được thỏa thuận cho thấy các dấu hiệu lạc quan hơn đối với kinh tế thế giới trong năm 2020.

Kinh tế khu vực châu Á nói chung và Việt Nam nói riêng trong năm qua được coi là một điểm sáng đáng chú ý với GDP tăng trưởng 7,02%, vượt mục tiêu 6,6-6,8% của Quốc hội đề ra. Đây cũng là năm thứ hai liên tiếp tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt trên 7% kể từ năm 2011. Mức tăng trưởng tuy thấp hơn mức tăng 7,08% của năm 2018 nhưng cao hơn mức tăng của các năm 2011-2017.

Năm 2020 được dự báo sẽ là một năm khả quan đối với nền kinh tế Việt Nam. Các chỉ số vĩ mô sẽ tiếp tục ổn định, lạm phát và tỷ giá vẫn ở mức kiểm soát được trong khi đầu tư vào cơ sở hạ tầng được gia tăng và lãi suất có cơ hội điều chỉnh giảm. Tuy nhiên, dịch bệnh do chủng mới của virus corona (nCoV) đã ảnh hưởng rất lớn tới toàn nền kinh tế nói chung. Hệ quả không chỉ ảnh hưởng đến du lịch, hàng không, mà hoạt động sản xuất có thể bị trì trệ, thương mại bị hạn chế, kế tiếp là ảnh hưởng xấu lên các ngành nông nghiệp, bán lẻ và dòng vốn đầu tư quốc tế. Do đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sẽ có thể bị ảnh hưởng lớn trong năm 2020.

Là doanh nghiệp hoạt động kinh doanh chủ yếu trong lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản, một lĩnh vực luôn nhạy cảm với các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế, thị trường, nhằm giảm thiểu tác động của những ảnh hưởng trên, Công ty chú trọng thực hiện công tác chuẩn bị, dự trù cho những thay đổi trong nền kinh tế thị trường, đồng thời củng cố nội lực tài chính, duy trì mối quan hệ tốt với khách hàng, nhà cung cấp và các tổ chức tín dụng.

▪ **Rủi ro về lãi suất:**

Lãi suất là biến số kinh tế nhạy cảm, sự thay đổi của lãi suất sẽ tác động làm thay đổi hành vi sản xuất và tiêu dùng của xã hội. Đối với một doanh nghiệp, rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí đi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành tùy theo cơ cấu nợ vay của ngành đó.

Năm 2020 được dự báo mặt bằng lãi suất vẫn ở xu hướng ổn định, mặt bằng lãi suất đầu vào có thể giảm nhẹ, lãi suất đầu ra cho vay giảm nhẹ ở một số lĩnh vực ưu tiên. Vào tháng 09/2019, Việt Nam có một lần điều chỉnh giảm 0,25% lãi suất điều hành tuy nhiên vẫn thấp hơn so với các nước trong khu vực, do đó dư địa để tiếp tục cắt giảm lãi suất điều hành là khá nhiều. Tuy vậy, tác động của việc giảm lãi suất điều hành đến mặt bằng lãi suất cho vay là khá hạn chế. Bên cạnh đó, lộ trình kiểm soát rủi ro (tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn sẽ được giảm dần từ mức 40% hiện nay xuống 0% kể từ đầu 2022) và nâng cao năng lực tài chính (áp dụng chuẩn Basel II kể từ đầu 2020) cho hệ thống ngân hàng sẽ vẫn khiến mặt bằng lãi suất huy động khó giảm mạnh trong 2 năm tới.

Hiện nay, Công ty đang tìm cách giảm thiểu rủi ro lãi suất này thông qua các biện pháp như: Kiểm soát chặt chẽ công nợ phải thu, tối ưu hoá việc sử dụng vốn, tăng vòng quay đồng tiền, ưu tiên thanh toán nợ trước hạn đối với các khoản vay có lãi suất cao, đảo nợ, cơ cấu lại các khoản vay từ lãi suất cao xuống lãi suất thấp.

5.2 Rủi ro tín dụng

Đây là rủi ro mà một bên tham gia trong công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

5.3 Rủi ro luật pháp

Rủi ro về luật pháp là những thay đổi trong hệ thống các văn bản luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, hoạt động chủ yếu ở lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản, Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico chịu sự điều chỉnh chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp, Luật thuế, Luật Chứng khoán và các văn bản liên quan đến thị trường chứng khoán, Luật Khoáng sản, Luật Môi trường,.... Hiện nay, hệ thống chính sách pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất

kinh doanh trong lĩnh vực khoáng sản chưa được hoàn thiện và còn thiếu tính đồng bộ, tạo ra nhiều trở ngại và khó khăn cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

Theo tính toán, cứ mỗi tấn quặng sau khi được khai thác, chế biến phải chịu nhiều loại thuế, phí như: thuế tài nguyên, thuế chuyển quyền khai thác khoáng sản, thuế VAT, thuế xuất khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp, phí môi trường,... và khi cộng tất cả lại, các loại thuế, phí này chiếm gần 50% giá thành của sản phẩm, nên ảnh hưởng rất lớn đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Thời hạn khai thác các mỏ của Công ty phụ thuộc vào chính sách quản lý và khai thác khoáng sản của Nhà nước trong từng thời kỳ. Thời gian xin cấp phép khai thác khoáng sản thường kéo dài (từ 3 đến 5 năm) là một rủi ro lớn trong hoạt động của Công ty. Bên cạnh đó, chính sách chế biến và tiêu thụ khoáng sản hiện nay vẫn còn nhiều bất cập, nhiều thủ tục và mất nhiều thời gian.

Việt Nam đang trong quá trình phát triển và hội nhập sâu rộng với kinh tế thế giới. Để phù hợp với các quy định của quốc tế, sự thay đổi về chính sách quản lý, các văn bản quy phạm pháp luật nhằm điều chỉnh hoạt động của các doanh nghiệp như Nghị định 71/2017/NĐ-CP do Chính Phủ ban hành hướng dẫn về quản trị công ty đại chúng và Thông tư 95/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành nhằm hướng dẫn chi tiết cho Nghị định 71/2017/NĐ-CP, là điều tất yếu để phù hợp với các yêu cầu, thông lệ quốc tế, nâng cao khả năng quản trị của các doanh nghiệp. Ban điều hành luôn lưu ý và cập nhật các văn bản pháp luật mới nhất có ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty, nhằm đảm bảo tuân thủ sự quản lý của Chính phủ và các cơ quan, ban ngành.

5.4 Rủi ro đặc thù

Ngành khai thác và chế biến khoáng sản nói chung và sản xuất quặng sắt nói riêng chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tổng doanh thu của Công ty. Ngành này chịu sự ảnh hưởng trực tiếp từ chiến lược quản lý khai thác khoáng sản, quy hoạch của Trung ương. Việt Nam vẫn nằm trong danh sách các nước có chỉ số quản trị tài nguyên tương đối thấp, dẫn đến tình trạng ngành khai khoáng hoạt động kém hiệu quả.

▪ Rủi ro về chi phí khai thác:

Đặc điểm của ngành khai thác khoáng sản là trước khi khai thác một mỏ khoáng sản cần thực hiện công tác thăm dò, đánh giá trữ lượng và chất lượng khoáng sản. Quá trình thăm dò tốn kém nhiều chi phí và thời gian, nhưng nếu kết quả thăm dò cho thấy trữ lượng và chất lượng mỏ nhỏ, hoặc điều kiện khai thác không thuận lợi khiến cho việc khai thác không thể thực hiện được vì lý do kinh tế kỹ thuật thì rủi ro chi phí chìm là rất lớn.

Bên cạnh đó, trong quá trình khai thác và chế biến khoáng sản, ngoài sản phẩm thu được thì kèm theo đó là các chất thải với số lượng lớn và đòi hỏi chi phí xử lý rất tốn kém. Cùng với đó là các nghĩa vụ phí với nhà nước: tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền sử dụng số liệu thông tin địa chất phải nộp cũng khá cao trong bối cảnh khó khăn. Đứng trước tình hình đó, Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico đang từng bước cải thiện công tác quản lý chi phí, cân nhắc đến việc đẩy mạnh hoạt động ở các lĩnh vực tạo ra nhiều lợi nhuận hơn cho Doanh nghiệp.

▪ **Rủi ro đầu ra:**

Những năm gần đây, giá quặng sắt trên thị trường thế giới cũng như ở trong nước luôn biến động bất thường. Giá quặng sắt kết thúc năm 2019 với mức tăng hàng năm lớn nhất trong 3 năm qua.

Biến động giá quặng sắt trong năm qua đã khiến nhiều doanh nghiệp chế biến và khai thác khoáng sản gặp khó khăn hơn trong công tác theo dõi, dự báo, triển khai các kế hoạch sản xuất kinh doanh cụ thể.

Nước xuất khẩu quặng sắt Australia dự báo, giá nguyên liệu sản xuất thép sẽ giảm hơn 10% trong 2 năm tới, do nhu cầu từ các nhà máy thép Trung Quốc giảm, trong khi đó sản lượng thị trường nội địa và Brazil tăng.

▪ **Rủi ro về thời tiết:**

Đây là một rủi ro khá đặc thù của ngành khoáng sản. Hầu hết các mỏ đều lộ thiên, do đó mà những thay đổi về thời tiết như mưa nhiều với lượng mưa lớn sẽ làm tăng nguy cơ bụi nước khi khai thác xuống sâu, gây khó khăn cho hoạt động khai thác và tiềm ẩn nhiều nguy cơ mất an toàn.

▪ **Rủi ro về môi trường:**

Khoáng sản là tài nguyên không tái tạo và có trữ lượng hạn chế. Việc khai thác có thể gây ảnh hưởng lớn đến môi trường, gây ra tiềm ẩn rủi ro cho Doanh nghiệp sẽ bị rơi vào những vụ tranh cãi pháp lý hay phản đối của người dân.

5.5 Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng của những rủi ro khác như rủi ro do hoả hoạn, thiên tai; rủi ro trong quá trình đấu thầu, đàm phán và ký kết hợp đồng,... những rủi ro này cũng có thể tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Ngoài ra, Công ty có thể gặp phải các rủi ro trong quá trình thi công như: Tai nạn lao động hay các sự cố trong quá trình thi công. Để hạn chế tối đa thiệt hại, Công ty luôn tham gia đóng phí bảo hiểm cho cán bộ công nhân viên và các tài sản, vật tư, thiết bị có giá trị lớn.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Bảng số 2: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 – 2019

Chỉ tiêu	Năm 2018 (đồng)	Năm 2019 (đồng)	% tăng giảm so với năm 2018
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	178.369.743.327	116.341.318.776	-34,78
Doanh thu thuần	178.369.743.327	116.341.318.776	-34,78
Lợi nhuận gộp	6.357.848.563	5.873.898.493	-7,61

Chỉ tiêu	Năm 2018 (đồng)	Năm 2019 (đồng)	% tăng giảm so với năm 2018
Lợi nhuận thuần	4.370.885.845	(1.519.742.895)	\
Lợi nhuận khác	(582.451.913)	2.593.749.170	\
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.788.433.932	1.074.006.275	-71,65
Lợi nhuận sau thuế	1.837.049.560	83.222.419	-95,48

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 của Công ty)

- Cơ cấu doanh thu:

Bảng số 3: Cơ cấu doanh thu năm 2018 - 2019

Chỉ tiêu	Năm 2018 (đồng)	Năm 2019 (đồng)	% tăng giảm so với năm 2018
Doanh thu thuần từ HĐSXKD	178.369.743.327	116.341.318.776	-34,78
- Doanh thu thành phẩm	97.613.669.786	78.378.549.931	-19,71
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	80.756.073.541	37.962.768.845	-52,99
Doanh thu hoạt động tài chính	9.128.236	250.418.711	2.677,78
Thu nhập khác	449.811.673	3.330.107.575	641,65
Tổng doanh thu	178.828.683.236	119.921.845.062	-32,94

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 của Công ty)

- Cơ cấu chi phí:

Bảng số 4: Cơ cấu chi phí năm 2018 - 2019

Chỉ tiêu	Năm 2018 (đồng)	%/TDT	Năm 2019 (đồng)	%/TDT
Giá vốn hàng bán	172.011.894.764	96,19	110.467.420.283	92,12
- Giá vốn thành phẩm	94.708.573.948	52,96	73.999.766.610	61,71
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	77.303.320.816	43,23	36.467.653.673	30,41
Chi phí tài chính	(5.831.993.572)	-3,26	803.206.577	0,67
- Chi phí lãi vay	530.750.015	0,30	714.814.935	0,60
- Lãi ứng trước tiền hàng	353.013.630	0,20	88.391.642	0,07

Chỉ tiêu	Năm 2018 (đồng)	%/TDT	Năm 2019 (đồng)	%/TDT
- Lỗ thanh lý các khoản đầu tư	-	-	5.179.631.000	4,32
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(6.715.757.217)	-3,76	(5.179.631.000)	-4,32
Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.828.084.526	4,38	6.840.853.522	5,70
Chi phí khác	1.032.263.586	0,58	736.358.405	0,61
Tổng chi phí	175.040.249.304	97,88	118.847.838.787	66,45

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 của CTCP Khoáng sản 3 - Vimico)

1.2 Kết quả thực hiện so với kế hoạch:

Bảng số 5: Kết quả thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh so với kế hoạch

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2019	% thực hiện so với KH
1	Tinh quặng sắt Kíp Tước	tấn	60.006,535	75.000	80
2	Quặng sắt Làng Vinh, Làng Cọ	tấn	108.784,89	100.000	108,78
3	Khai thác quặng vàng cho Công ty CP vàng Lào Cai	m ³	434,30	434,30	100
4	Bóc xúc VC thuê ngoài	m ³	798.879	1.000.000	79,88
5	San gạt đất đá	m ³	258.677		
6	Xúc Xi Luyện đồng Lào Cai	tấn	44.837,15		
7	Kinh doanh dầu Diesel	lít	1.479.283		
8	Tổng doanh thu	Tr.đồng	119.922	147.793	81,14
9	Nộp ngân sách	Tr.đồng	40.186	57.585	69,78
10	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	1.074	2.458	43,69
11	Tỷ suất lợi nhuận/VCSH	%	2,8	6,2	45,16
12	Giá trị đầu tư XD CB	Tr.đồng	357,2	6.756	5,28
	- Xây lắp	Tr.đồng			
	- Thiết bị	Tr.đồng		5.891	
	- QL, GPMB, TV, khác,...	Tr.đồng	357,2	865	41,29

(Nguồn: Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico)

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành:

Bảng số 6: Danh sách thành viên Ban Điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Cao Khương	Giám đốc
2	Ông Nguyễn Văn Vĩnh	Phó Giám đốc
3	Ông Trần Trung Thành	Kế toán trưởng

- Lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của thành viên Ban Điều hành:

Họ và tên : **NGUYỄN CAO KHƯƠNG**

- **Số CMND** : 063124073 cấp ngày 28/01/2013 Tại CA Lào Cai

- **Giới tính** : Nam

- **Ngày, tháng, năm sinh** : 12/01/1974

- **Quốc tịch** : Việt Nam

- **Dân tộc** : Kinh

- **Địa chỉ thường trú** : Số nhà 025, đường Hưng Hóa, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

- **Địa chỉ hiện tại** : Số nhà 025, đường Hưng Hóa, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

- **Trình độ chuyên môn** : Kỹ sư địa chất, cử nhân chính trị

- **Quá trình Công tác**

+ Từ 04/1994 đến 12/2007 : Làm kỹ thuật, kế hoạch – Công ty cổ phần Khoáng sản 3

+ Từ 01/2008 đến 01/2009 : Phó Giám đốc Xí nghiệp 304, Công ty cổ phần Khoáng sản 3

+ Từ 02/2009 đến 05/2010 : Giám đốc Xí nghiệp Khoáng sản 304, Công ty cổ phần Khoáng sản 3

+ Từ 06/2010 đến 04/2013 : Phó Giám đốc Công ty cổ phần Khoáng sản 3

+ Từ 05/2013 đến 06/2013 : Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Vàng

Lào Cai; Phó Giám đốc Công ty cổ phần Khoáng sản 3.

- + Từ 07/2013 đến 28/02/2019 : Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico; Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Vàng Lào Cai
- + Từ 01/3/2019 đến nay : Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 117.440 cổ phần, chiếm 3,36% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu cho Tổng Công ty Khoáng sản TKV – CTCP : 500.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 14,29% vốn điều lệ
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

- Họ và tên** : **NGUYỄN VĂN VĨNH**
- Số CMND : 063072726
- Giới tính : Nam
- Ngày, tháng, năm sinh : 02/10/1982
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Tổ 2, thị trấn Bát Xát, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai
- Địa chỉ hiện tại : Tổ 2, thị trấn Bát Xát, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư khai thác mỏ, Cử nhân Quản trị kinh doanh

- Quá trình Công tác
- + Từ 01/2008 đến 08/2008 : Cán bộ kỹ thuật - phân xưởng khai thác, Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền Lào Cai
- + Từ 09/2008 đến 01/2010 : Cán bộ kỹ thuật - Phòng kỹ thuật, Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền Lào Cai
- + Từ 02/2010 đến 04/2010 : Phó phòng kỹ thuật, Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền Lào Cai
- + Từ 05/2010 đến 07/2010 : Phó quản đốc phân xưởng khai thác, Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền Lào Cai
- + Từ 08/2010 đến 09/2011 : Phó phòng điều độ sản xuất, Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền Lào Cai
- + Từ 10/2011 đến 11/2012 : Trưởng phòng kỹ thuật, Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền Lào Cai
- + Từ 11/2012 đến 09/2013 : Trưởng phòng điều độ, Công ty mỏ tuyển đồng Sin Quyền Lào Cai
- + Từ 09/2013 đến nay : Phó Giám đốc Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Phó Giám đốc Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 26.140 cổ phần, chiếm 0,75% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

Họ và tên : **TRẦN TRUNG THÀNH**

- Số CMND : 162248631

- Giới tính : Nam

- Ngày, tháng, năm sinh : 07/10/1979
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Tổ 8 - phường Duyên Hải – TP Lào Cai - tỉnh Lào Cai
- Địa chỉ hiện tại : Tổ 8 - phường Duyên Hải – TP Lào Cai - tỉnh Lào Cai
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Quá trình Công tác
- + Từ 03/2005 đến 08/2005 : Phó trưởng phòng TCKT Công ty Phát triển khoáng sản 3, Tản Lĩnh - Ba Vì - Hà Tây
- + Từ 09/2005 đến 08/2008 : Quyền Kế toán trưởng Công ty TNHH Nhà nước 1 TV khoáng sản 3, Tản Lĩnh - Ba Vì - Hà Tây
- + Từ 09/2008 đến 04/2013 : Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty
- + Từ 05/2013 đến 28/2/2019 : Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty;
Thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Vàng Lào Cai.
- + Từ 01/3/ 2019 đến nay : Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty.
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 22.280 cổ phần, chiếm 0,64% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công : Không

ty

2.2 Những thay đổi ban điều hành:

Không có.

2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên:

Bảng số 7: Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2019

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỉ trọng (%)
1. Phân theo trình độ lao động	147	100
– Trình độ Đại học và trên đại học	32	21,76
– Trình độ cao đẳng	03	2,04
– Trình độ trung cấp	13	8,84
– Công nhân kỹ thuật, sơ cấp	94	63,94
– Lao động phổ thông	05	3,42
2. Phân theo giới tính	147	100
– Nam	132	89,80
– Nữ	15	10,20

(Nguồn: Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico)

2.4 Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

✚ Chính sách đào tạo:

Nhìn chung, Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico có đội ngũ lãnh đạo và quản lý được đào tạo chính quy, bài bản, nhiều kinh nghiệm chuyên môn về địa chất, khai khoáng, nhanh nhạy trong cơ chế thị trường; đội ngũ công nhân lao động lành nghề trong các thao tác nghiệp vụ, có tính kỷ luật đảm nhận được các chức danh cụ thể trong dây chuyền sản xuất, tạo năng suất cao để đáp ứng được khối lượng khai thác, tăng trưởng.

Lao động của Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico đều thông qua đào tạo để đáp ứng công việc theo kế hoạch tuyển dụng, đào tạo và huấn luyện. Công tác đào tạo và đào tạo lại hàng năm được thực hiện chủ yếu tại doanh nghiệp cho lực lượng lao động trực tiếp giản đơn. Công ty luôn chú ý đến công tác phát triển nguồn nhân lực: tổ chức các lớp học tập và thi nâng cao tay nghề công nhân, cử cán bộ tham gia các lớp học bồi dưỡng về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, nghiệp vụ đấu thầu, quản lý kho hàng và thống kê...để nâng cao trình độ quản lý cho cán bộ Công ty. Công ty cũng thường mở các lớp học về an toàn lao động cho toàn bộ người lao động trong doanh nghiệp. Công ty cũng đặc biệt coi trọng và khuyến khích quá trình tự học hỏi để nâng cao kỹ năng của mỗi cán bộ công nhân viên (CBCNV) và luôn tạo điều kiện để CBCNV có anh hì tiến bộ và tích lũy kinh nghiệm thực tế trong quá trình công tác

✦ Chính sách lương thưởng, trợ cấp:

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cán bộ công nhân viên. Công ty đã xây dựng Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi để thăm hỏi, động viên người lao động một cách kịp thời khi gặp khó khăn trong cuộc sống.

Khi có yêu cầu về tiến độ công việc, hay yêu cầu đi công tác, Công ty đều có chính sách đãi ngộ thỏa đáng đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước.

Nghỉ lễ, tết, ốm đau, thai sản: CBCNV được nghỉ lễ, tết theo quy định của Bộ luật lao động. Các chế độ trợ cấp trong thời gian nghỉ ốm, nghỉ thai sản và các trợ cấp khác ... cũng được đảm bảo đầy đủ theo quy định của Nhà nước.

Công ty đã xây dựng bộ định mức lương khoán cho bộ phận lao động trực tiếp và quy chế trả lương, thưởng phù hợp với vị trí công việc kinh nghiệm và trình độ chuyên môn của mỗi CBCNV nhằm ghi nhận đúng năng lực và kết quả công việc của từng cá nhân, đồng thời tạo động lực khuyến khích người lao động phát huy năng lực, trách nhiệm để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc, góp phần nâng cao giá trị gia tăng cho các hoạt động của Công ty.

Hàng năm, Công ty tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng, khen thưởng đột xuất để khuyến khích động viên người lao động đã có đóng góp cho Công ty. Mức khen thưởng phụ thuộc vào hiệu quả sản xuất của Công ty và hiệu quả kinh tế của tập thể, của người lao động. Những cá nhân, đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ được giao làm tổn hại đến kinh tế, vật chất, uy tín của Công ty sẽ được xem xét cụ thể và phải chịu các hình thức kỷ luật, phạt tiền, bồi thường bằng vật chất theo nội dung thỏa ước lao động tập thể, nội quy lao động của Công ty ban hành.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Dự án khai tuyến quặng sắt Làng Vinh, Làng Cọ: Do tình hình tài chính của Công ty đang gặp nhiều khó khăn nên năm 2019 Công ty chỉ đầu tư Lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán các hạng mục cho dự án khai tuyến quặng sắt Làng Vinh, Làng Cọ với giá trị 357,2 triệu đồng.

- Dự án Đầu tư duy trì sản xuất: Năm 2019 do tình hình tài chính của Công ty đang gặp rất nhiều khó khăn nên Công ty không đầu tư.

- Dự án Caolin – Fenspat đã được Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7351427465 ngày 23/01/2017. Hiện nay Công ty đang hoàn thiện thủ tục để xin cấp Giấy phép khai thác. Dự kiến trong năm 2020 mỏ Caolin – Fensat sẽ được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép khai thác.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính:

Bảng số 8: Tình hình tài chính của Công ty

Chỉ tiêu	Năm 2018 (VND)	Năm 2019 (VND)	% tăng giảm so với năm 2018
Tổng giá trị tài sản	164.941.683.777	159.828.879.155	-3,10
Doanh thu thuần	178.369.743.327	116.341.318.776	-34,78
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4.370.885.845	(1.519.742.895)	\
Lợi nhuận khác	(582.451.913)	2.593.749.170	\
Lợi nhuận trước thuế	3.788.433.932	1.074.006.275	-71,65
Lợi nhuận sau thuế	1.837.049.560	83.222.419	-95,47
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%/MG)	5%	0%	

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 của Công ty)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Bảng số 9: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2019
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn: (=TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,56	0,71
Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho) Nợ ngắn hạn	Lần	0,53	0,45
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,76	0,76
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	3,15	3,23
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho BQ	Vòng	50,81	6,38
<u>Doanh thu thuần</u> Tổng tài sản	Lần	1,08	0,72

4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,03	0,07
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	4,63	0,22
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,11	0,05
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	2,45	-1,31

(Nguồn: Tính toán dựa trên BCTC kiểm toán năm 2019 của Công ty)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- ✚ Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành: 3.500.000 cổ phần phổ thông.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 3.500.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng có điều kiện: 00 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông:

Bảng số 10: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2019

TT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
1	Cổ đông trong nước	185	3.500.000	35.000.000.000	100
1.1	Tổ chức	02	1.807.650	18.076.500.000	51,65
1.2	Cá nhân	183	1.692.350	16.923.500.000	48,35
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0
2.1	Tổ chức	0	0	0	0
2.2	Cá nhân	0	0	0	0
3	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0
	Tổng cộng	185	3.500.000	35.000.000.000	100

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico)

Bảng số 11: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên tại thời điểm 31/12/2019

STT	Tên cổ đông	Số CMT/Hộ chiếu/Giấy CNĐKDN	Địa chỉ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
-----	-------------	-----------------------------	---------	-------------------------	-----------------------------------

STT	Tên cổ đông	Số CMT/Hộ chiếu/Giấy CNĐKDN	Địa chỉ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
	ty Khoáng sản – TKV - CTCP		Tường, Thanh Xuân, Hà Nội		
3	Nguyễn Tuấn Vinh	011792337	Số 15/28/260 Cầu Giấy, Hà Nội	391.638	11,19%
2	Nguyễn Thị Vân Thư	063465678	Số nhà 280, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai	180.000	5,14%
Tổng				2.356.638	67,33%

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico)

- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không.
- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.
- e) Các chứng khoán khác: Không.
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- a) *Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để cung cấp các dịch vụ chính của Công ty trong năm*

Bảng số 12: Lượng nguyên vật liệu chính được sử dụng trong năm 2019

STT	Nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Số lượng sử dụng năm 2018	Số lượng sử dụng năm 2019
1	Dầu diesel	Lít	1.247.828	1.071.075
2	Dầu mỡ phụ	Lít	25.507	27.017
3	Lốp ô tô	Cái	223	262
4	Bi nghiền	Kg	182.590	139.610

(Nguồn: Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico)

- b) *Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức*

Không có.

6.2. Tiêu thụ năng lượng

... tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Năng lượng chủ yếu là dầu diesel và điện năng. Trong đó tiêu thụ dầu diesel là 1.071.075 lít và điện năng là 4.809.078 KWh.

b) *Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả*

Không có.

c) *Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng* (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này

Không có.

6.3. **Tiêu thụ nước** (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) *Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng*

Nguồn cung cấp nước: chủ yếu là nước mặt.

Khối lượng nước sử dụng năm 2019: 17.702 m³. Trong đó có 1.416 m³ là khai thác mới.

b) *Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng*

Khối lượng nước tái sử dụng: 16.286 m³, chiếm 92 % lượng nước sử dụng.

6.4. **Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

a) *Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:*

Không.

b) *Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:*

Không.

6.5. **Chính sách liên quan đến người lao động**

a) *Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:*

✚ Số lao động sử dụng bình quân: 167 người.

✚ Mức lương trung bình đối với người lao động:

Bảng số 13: Mức lương trung bình đối với người lao động

Năm	2016	2017	2018	2019
Lương bình quân (triệu đồng/người/tháng)	5,80	6,63	7,28	6,52

(Nguồn: Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico)

b) *Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:*

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, Công ty đã xây dựng

Quý khen thưởng, phúc lợi để thăm hỏi, động viên người lao động một cách kịp thời khi gặp khó khăn trong cuộc sống.

Hàng năm, Công ty tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng, khen thưởng đột xuất để khuyến khích động viên người lao động đã có đóng góp cho Công ty. Mức khen thưởng phụ thuộc vào hiệu quả sản xuất của Công ty và hiệu quả kinh tế của tập thể, của người lao động.

Về an toàn lao động: Phương tiện và công cụ lao động luôn được trang bị đầy đủ và đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn an toàn cho người lao động. Đối với những công việc có yếu tố nguy hiểm, độc hại, người lao động đều được trang bị các thiết bị bảo hộ lao động chuyên dụng, phù hợp, đảm bảo an toàn.

Trong năm 2019, Công ty đã tiến hành các đợt kiểm tra sức khỏe định kỳ cho người lao động đúng theo quy định của pháp luật.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

✚ Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:

Bảng số 14: Số giờ đào tạo trung bình năm 2019

STT	Nhóm lao động	Số giờ đào tạo trung bình năm 2018	Số giờ đào tạo trung bình năm 2019
1	Lãnh đạo, quản lý	40	200
2	Cán bộ	61	24
3	Công nhân	28	10
4	Phục vụ, khác	22	

(Nguồn: Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico)

✚ Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:

Công ty đã tổ chức mở lớp đào tạo chuyên môn cho CBCNV như: đào tạo chỉ huy nổ mìn, thợ mìn, chuyên viên,... nhằm nâng cao chuyên môn ngành nghề, tăng năng suất lao động, phát triển sự nghiệp cho người lao động. Ngoài ra, trong năm Công ty còn cử nhiều lượt CBCNV tham gia các khóa học nâng cao trình độ chuyên môn do Tổng Công ty Khoáng sản – TKV và Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam tổ chức.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong năm 2019, Công ty tham gia đầy đủ, tích cực vào các hoạt động phát triển cộng đồng do địa phương phát động.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Khó khăn

Công ty quản lý trên địa bàn rộng và phân tán (Hà Nội, Phú Thọ, Lào Cai...) nên việc đi lại và công tác quản lý, bảo đảm an ninh trật tự gặp nhiều khó khăn.

Tổng công ty cắt giảm khối lượng bóc xúc và vận chuyển đất đá/quặng của Công ty tại mỏ tuyển đồng Sin Quyền năm 2019 từ 1.000.000 m³ đất đá/quặng xuống còn 798.879 m³, từ 15/8/2019 Công ty đã kết thúc thi công bóc xúc và vận chuyển đất đá/quặng tại mỏ tuyển đồng Sin Quyền. Từ 01/3/2019 Công ty chấm dứt thi công khai thác và bảo vệ tại mỏ vàng Minh Lương nên trong năm 2019 Công ty thiếu việc làm, từ tháng 10/2019 lao động một số bộ phận phải nghỉ luân phiên.

Mỏ Kaolin Fenspat đã hết hạn Giấy phép khai thác từ 15/4/2015, Công ty đang chờ Bộ Tài Nguyên và Môi trường cấp lại Giấy phép khai thác, dự kiến trong năm 2020 sẽ được cấp Giấy phép khai thác.

Tình hình lao động trong Công ty có nhiều biến động, một bộ phận công nhân có tay nghề cao xin nghỉ việc nên Công ty gặp nhiều khó khăn trong việc tổ chức sản xuất.

1.2 Thuận lợi:

Được sự quan tâm toàn diện của Tổng công ty Khoáng sản – TKV.

1.3 Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Mặc dù gặp nhiều khó khăn, song với sự chỉ đạo sát sao của Tổng công ty Khoáng sản - TKV và những quyết sách kịp thời, linh hoạt của Lãnh đạo Công ty cùng với sự đoàn kết, cố gắng nỗ lực phấn đấu của toàn thể CBCNV nên Công ty đã đạt được kết quả SXKD năm 2019 với những chỉ tiêu chủ yếu sau:

1.3.1 Khai thác, chế biến khoáng sản

- Tinh quặng sắt (60%Fe) : 60.006,535 tấn, đạt 100% KHĐC, đạt 80% Nghị quyết ĐHĐCĐ 2019.

- Quặng sắt Làng Vinh, Làng Cọ (52±1)% Fe: 108.784,89 tấn, đạt 108,7% Nghị quyết ĐHĐCĐ 2019.

1.3.2 Khai thác, bóc xúc thuê ngoài

- Khai thác quặng vàng Minh Lương: 434,3 m³, đạt 100% Nghị quyết ĐHĐCĐ 2019.

- Bóc xúc, vận chuyển Sin Quyền: 798.879 m³, đạt 107,5 % KHĐC và bằng 79,8 % Nghị quyết ĐHĐCĐ 2019.

- San gạt đất đá Sin Quyền : 258.677 m³.

- Xúc xỉ Luyện đồng Lào Cai : 44.837,15 tấn và 91 ca máy.

1.3.3. Kinh doanh dầu Diesel

Dầu Diesel cung cấp cho mỏ tuyển đồng Sin Quyền : 1.479.283 lít, đạt 36,98 %

1.3.4 Đầu tư XD CB : 357,2 triệu đồng, đạt 5,28% Nghị quyết ĐHĐCĐ 2019.

1.3.5. Thực hiện các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp

- Tổng doanh thu: 119.922 tr.đồng, đạt 91,06 % KHĐC và bằng 81,14% Nghị quyết ĐHĐCĐ 2019.
- Lợi nhuận: 1.074 tr.đồng, đạt 43,69 % Nghị quyết ĐHĐCĐ 2019
- Quỹ tiền lương thực hiện: 13.071tr.đồng, đạt 100% KHĐC và bằng 80,77% Nghị quyết ĐHĐCĐ 2019.
- Lao động BQSD: 167 người, đạt 101,21 % KHĐC và bằng 83,5% Nghị quyết ĐHĐCĐ 2019.
- Tiền lương bình quân: 6,52 tr.đồng/ng/tháng, đạt 96,74% KHĐC và bằng 96,59% Nghị quyết ĐHĐCĐ 2019.
- Nộp NSNN: 40.186 tr.đồng, đạt 78,03% KHĐC và bằng 69,78% Nghị quyết ĐHĐCĐ 2019.

1.3.6. Đánh giá thực hiện SXKD năm 2019

Năm 2019 Công ty không đạt mức các chỉ tiêu ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 đề ra, tổng doanh thu, lợi nhuận, sản lượng tinh quặng sắt, khối lượng bóc xúc tại mỏ đồng Sin Quyền... đều đạt thấp so với kế hoạch ĐHĐCĐ 2019 đề ra.

+ Tại mỏ sắt Kíp Tước: Năm 2019 giá quặng sắt đã phục hồi nhưng vẫn ở mức thấp. Công ty đẩy mạnh sản xuất tinh quặng sắt mỏ sắt Kíp Tước nhưng do dây chuyền nghiền tuyển quặng sắt đã quá cũ nát (đầu tư từ năm 2010, 2011) và thường xuyên hỏng hóc kéo dài nên trong năm 2019 chỉ sản xuất được 60.006,535 tấn tinh quặng sắt, hàm lượng bình quân 60 % Fe, đạt 100 % KHĐC, bằng 80,51% Nghị quyết ĐHĐCĐ 2019 đề ra.

+ Tại mỏ sắt Làng Vinh, Làng Cọ: Công ty đã thuê Công ty TNHH MTV tư vấn đầu tư xây dựng Công nghiệp mỏ Luyện Kim lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán các hạng mục, hiện đang chờ Sở công thương tỉnh Lào Cai phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán các hạng mục. Công ty đã được UBND tỉnh Lào Cai quyết định cho thuê đất giai đoạn I với diện tích là 113.363,3 m².

Năm 2019 sản xuất được 108.784,89 tấn quặng sắt, đạt 108,78% Nghị quyết ĐHĐCĐ 2019.

+ Tại mỏ vàng Minh Lương: Công ty đã làm tốt công tác khai thác quặng và quản lý bảo vệ tại mỏ vàng Minh Lương thuộc Công ty Cổ phần vàng Lào Cai. Khối lượng quặng trong năm khai thác được 434,3 m³ (hàm lượng BQ \geq 5 gam Au/tấn). Từ 01/3/2019 Công ty đã chấm dứt việc khai thác và bảo vệ mỏ vàng Minh Lương do Công ty thoái vốn.

+ Công tác bóc xúc, vận chuyển Sin Quyền: 798.879 m³, đạt 79,88% Nghị quyết ĐHĐCĐ 2019. Công tác bóc xúc, vận chuyển Sin Quyền đạt thấp là do từ

15/8/2019 Công ty đã chấm dứt thi công tại mỏ tuyển đồng Sin Quyền do Tổng công ty cắt giảm khối lượng.

+ San gạt đất đá Sin Quyền : 258.677 m³.

+ Xúc xi Luyện đồng : Công ty tham gia xúc xi đuôi tuyển cho Chi nhánh luyện đồng Lào Cai được 44.837,15 tấn Xi và 91 ca máy.

+ Kinh doanh dầu Diesel : Từ quý 4/2019 Tổng công ty đã tạo điều kiện cho Công ty làm dịch vụ cung cấp dầu Diesel cho mỏ tuyển đồng Sin Quyền. Công ty đã phối hợp với Công ty Cổ phần xăng dầu Tự Lực I để cung cấp dầu Diesel cho mỏ tuyển đồng Sin Quyền, khối lượng năm 2019 đạt 1.497.283 lít. Khối lượng dầu Diesel năm 2019 cung cấp cho mỏ tuyển đồng Sin Quyền thấp là do từ 14/10/2019 Công ty mới bắt đầu làm dịch vụ cung cấp, mặt khác Công ty cổ phần xăng dầu Tự Lực I yêu cầu Công ty phải làm bảo lãnh thanh toán, do tình hình tài chính của Công ty gặp nhiều khó khăn Công ty chỉ làm được bảo lãnh thanh toán 9 tỷ đồng, nên việc cung cấp dầu Diesel cho mỏ tuyển đồng Sin Quyền nhiều lúc bị gián đoạn.

1.4 Công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh

1.4.1 Những việc đã làm được

1.4.1.1. Công tác Kế hoạch - Đầu tư

Ngay từ đầu quý 4 năm 2018, Công ty đã chủ động xây dựng kế hoạch công nghệ, kế hoạch sản xuất kinh doanh trình Tổng công ty phê duyệt và làm căn cứ cho Công ty ký hợp đồng phối hợp sản xuất kinh doanh với Tổng công ty. Các chỉ tiêu kế hoạch công nghệ xây dựng cụ thể, chi tiết và có khoa học, các chỉ tiêu định mức áp dụng cho xây dựng kế hoạch giá thành đảm bảo tiên tiến, tiết kiệm tối đa chi phí đầu vào đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh, làm cơ sở cho công tác khoán quản trị chi phí của Tổng công ty.

Về công tác định mức: Công ty đã tiến hành xây dựng các loại định mức về lao động, vật tư chi tiết giao cho các đơn vị thực hiện. Tổ chức nghiệm thu và đánh giá công tác thực hiện định mức của các đơn vị, có sự điều chỉnh kịp thời phục vụ sản xuất đạt hiệu quả.

Công ty đã từng bước hoàn thiện hệ thống các văn bản, quy trình, quy phạm về quản lý kỹ thuật cơ bản. Tiến hành lập kế hoạch sản xuất hàng tháng, quý, năm phù hợp với thực tế sản xuất.

- Về công tác ĐTXDCB: Năm 2019, do tình hình tài chính của Công ty đang gặp nhiều khó khăn nên Công ty không đầu tư dàn trải mà chỉ đầu tư Lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán các hạng mục cho dự án khai tuyển quặng sắt Làng Vinh, Làng Cọ.

1.4.1.2. Công tác Kỹ thuật, Cơ điện, An toàn môi trường.

- Công tác khai thác:

+ Đối với Mỏ sắt Kíp Tước: Mặc dù điều kiện khai thác ngày càng xuống sâu và gặp nhiều khó khăn, nhưng Công ty nói chung và Phân xưởng nói riêng vẫn đảm

+ Đối với Mỏ sắt Làng Vinh – Làng Cọ: Song song với việc hoàn thiện XD CB mỏ, Công ty tiến hành thuê đất và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, khai thác và tuyển rửa quặng.

- Công tác tuyển khoáng tại mỏ Kíp Tước: Công nghệ tuyển sắt duy trì ổn định. Công ty thực hiện tốt giải pháp điều chỉnh công nghệ để tuyển tinh quặng sắt có hàm lượng cao. Tuy nhiên, do máy móc, thiết bị đã cũ và hỏng hóc nhiều nên chất lượng quặng không đều, cuối tháng 12/2019 Công ty đã tiến hành thay thế 01 máy nghiền bi cho 01 dây chuyền nghiền tuyển, đồng thời cũng lắp đặt thêm 01 dây chuyền tuyển trọng lực nhằm tận thu triệt để đuôi quặng và nâng cao chất lượng tinh quặng.

- Công tác phát triển tài nguyên: Hiện nay, Công ty đã hoàn thiện hồ sơ xin cấp giấy phép khai thác cho mỏ Kaolin - Fenspat, Hang Dơi, Giáp Lai, Thanh Sơn, Phú Thọ. Dự kiến năm 2020 Công ty sẽ được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép khai thác.

- Công tác Cơ điện: Năm 2019, Công ty đã thực hiện đầy đủ các nội dung quản lý kỹ thuật cơ điện. Bảo quản, sử dụng thiết bị có hiệu quả, huy động đầy đủ vào sản xuất.

Quản lý tốt các máy móc thiết bị, sửa chữa kịp thời máy móc thiết bị bị hỏng phục vụ sản xuất. Năng suất các máy móc thiết bị bình quân đạt > 93 %.

- Công tác An toàn - Môi trường

Thực hiện nghiêm các quy định về ATVSLĐ- PCCN, PCTT - TKCN. Giá trị thực hiện là 523,3 triệu đồng, đạt 70,13% kế hoạch. Tổ chức huấn luyện ATVSLĐ, huấn luyện PCCC cho cán bộ công nhân viên toàn Công ty. Mạng lưới an toàn vệ sinh viên cơ sở tại các tổ đội sản xuất: Hội đồng BHLĐ: 10 người, ATVSV cơ sở: 9 người.

Thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo đúng quy định. Năm 2019 đã khám sức khỏe định kỳ cho 114 lao động có hợp đồng thời hạn từ 12 tháng trở lên, đạt 77,6 %.

Trong năm 2019, Công ty đảm bảo an toàn tuyệt đối về người và tài sản.

1.4.1.3. Công tác tài chính kế toán.

Năm 2019 thị trường tiêu thụ quặng sắt gặp nhiều khó khăn, giá bán giảm trong khi một số chi phí đầu vào tăng như tiền điện, dầu diesel, BHXH... tăng so với năm 2018, nên đã ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả SXKD.

Công ty không vay được vốn tín dụng cho dự án khai tuyển quặng sắt Làng Vinh, Làng Cọ dẫn đến khả năng thanh toán của Công ty gặp rất nhiều khó khăn, việc nộp NSNN, phải trả người bán và cung cấp dịch vụ, thanh toán lương và các chế độ của người lao động còn chưa được kịp thời.

Công tác hạch toán kế toán theo đúng quy định của Luật Kế toán, đảm bảo kịp thời, chính xác theo quy định, hướng dẫn của Tập đoàn và Tổng công ty.

Công tác thống kê được cập nhật thường xuyên từ các tổ, đội, phân xưởng đến các phòng ban.

1.4.1.4. Công tác tổ chức lao động tiền lương và thực hiện chế độ chính sách.

Năm 2019 tình hình lao động có nhiều biến động. Từ tháng 15/8/2019 Công ty chỉ tập trung sản xuất tại mỏ sắt Kíp Tước và mỏ sắt Làng Vinh, Làng Cọ. Do đó sản xuất của công ty bị thu hẹp, phải sắp xếp lại lực lượng lao động cho phù hợp với các phân xưởng nên lao động một số bộ phận phải nghỉ luân phiên để phù hợp tình hình thực tế.

Lao động đầu kỳ 191 người, tăng trong kỳ 15 người (chủ yếu là công nhân kỹ thuật); lao động giảm trong kỳ 59 người; lao động cuối kỳ 147 người (trong đó Văn phòng Công ty: 29 người; PX sắt Kíp Tước: 76 người; Phân xưởng sắt Võ Lao: 35 người; PX TCCG Sin Quyền 03 người; Đội KT 303 : 04 người).

Trong kỳ giải quyết chế độ hưu trí cho 13 lao động trong đó 10 lao động được hưởng chế độ 816 của tập đoàn.

Lao động bình quân sử dụng năm 2019 là 167 người, tiền lương bình quân đạt 6,52 triệu đồng/người/tháng.

Do mức lương tối thiểu vùng năm 2019 thay đổi, Công ty đã xây dựng mới hệ thống thang bảng lương năm 2019 cho phù hợp, tiến hành ký lại HĐLĐ theo mức lương mới cho người lao động trên cơ sở đó tiến hành trích nộp BHXH theo mức lương mới và thanh toán, giải quyết các chế độ cho người lao động.

1.4.1.5. Tình hình thực hiện các nội quy, quy chế liên quan đến người lao động.

Công ty đã xây dựng, ban hành Nội quy lao động; Hệ thống định mức đơn giá giao khoán; Hệ thống Thang bảng lương; Quy chế tài chính. Đây là căn cứ để quản lý lao động và thực hiện các chế độ chính sách liên quan đến người lao động. Trong thời gian tới để phù hợp với tình hình thực tế, các quy định mới của Nhà nước về lao động tiền lương, và tình hình sản xuất kinh doanh năm 2020, Công ty sẽ tiến hành ban hành mới, sửa đổi bổ sung Phương án phân phối tiền lương, Hệ thống định mức đơn giá giao khoán tại các đơn vị để phù hợp với quỹ lương 2020; xây dựng lại hệ thống thang bảng lương cho phù hợp với mức lương tối thiểu vùng năm 2020.

1.4.1.6. Việc trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng và phúc lợi.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi đầu năm là 754 triệu. Quỹ trong năm tăng 899 triệu do Tổng công ty chuyển tiền hỗ trợ và chuyển một số quyết định khen thưởng cá nhân, tập thể và phân bổ lợi nhuận năm 2018 vào quỹ. Trong năm Công ty đã tiến hành sử dụng quỹ khen thưởng và phúc lợi vào khen thưởng các cá nhân và tập thể đạt các danh hiệu lao động và tập thể tiên tiến, xuất sắc; khen thưởng đạt mục tiêu công tác ATVSLĐ; khen thưởng kế hoạch phát động thi đua; hỗ trợ đi tham quan, nghỉ dưỡng theo chế độ của Công ty,... và chi trả một số khoản mục khen thưởng của Tổng công ty với tổng số tiền là: 1.452 triệu. Số dư 31/12/2019 của quỹ còn lại là 201 triệu đồng.

Việc trích nộp kinh phí công đoàn thực hiện theo hướng dẫn của Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam và theo quy định của Công đoàn Tổng công ty. Số dư đầu kỳ là 52 triệu, tăng trong năm 198 triệu. Thực hiện chi các khoản mục khen thưởng, thăm hỏi

người lao động, hoạt động phong trào và nộp kinh phí cấp trên là 238 triệu. Số dư đến 31/12/2019 là 12 triệu đồng.

1.4.1.7. Tình hình thi đua khen thưởng, kỷ luật.

Trong năm Công ty phối hợp với công đoàn, đoàn thanh niên phát động nhiều đợt thi đua lớn lập thành tích chào mừng tháng công nhân và những ngày lễ lớn kỷ niệm của đất nước.

Với những thành tích đã đạt được Công ty đã khen thưởng cho 3 tập thể và tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở cho 28 cá nhân.

1.4.2 Những tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những việc đã làm được, trong công tác quản lý vẫn còn tồn tại một số những hạn chế:

- Căn cứ Đề án tái cơ cấu của Tổng công ty Khoáng sản - TKV giai đoạn 2017 - 2020, khối Văn phòng Công ty đã thực hiện tinh giảm từ 06 phòng xuống còn 04 phòng chức năng phù hợp với mô hình SXKD của Công ty hiện tại, nhưng tỷ lệ lao động gián tiếp khối Văn phòng Công ty vẫn còn cao so với mô hình tổ chức, định biên lao động.

- Thiếu máy móc thiết bị để phục vụ SXKD vì lâu ngày chưa được đầu tư mua mới, đa số các máy móc thiết bị đã hết khấu hao, thường xuyên hỏng hóc kéo dài, chi phí sửa chữa lớn, việc điều động máy móc thiết bị giữa các mỏ còn chậm.

- Công tác tự kiểm tra của Quản đốc phân xưởng, của tổ trưởng tổ sản xuất trong công tác AT-VSLĐ đối với người lao động chưa quyết liệt. Mạng lưới AT-VSV Công ty hoạt động còn hạn chế.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản:

Bảng số 15: Tình hình tài sản của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2019

TÀI SẢN	Năm 2018 (Đồng)	Năm 2019 (Đồng)	Thay đổi 2019 so với 2018 (%)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	68.077.836.125	85.245.537.903	25,22
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	1.739.139.385	4.200.271.697	141,51
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	62.396.258.229	47.015.313.453	-24,65
III. Hàng tồn kho	3.232.874.344	31.379.412.950	870,64
IV. Tài sản ngắn hạn khác	709.564.167	2.650.539.803	273,54
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	96.863.847.652	74.583.341.252	-23,00
I. Các khoản phải thu dài hạn	2.741.135.203	2.988.635.203	9,05

TÀI SẢN	Năm 2018 (Đồng)	Năm 2019 (Đồng)	Thay đổi 2019 so với 2018 (%)
II. Tài sản cố định	15.121.083.356	10.573.472.141	-30,07
1. TSCĐ hữu hình	14.927.656.672	10.395.087.757	-30,36
2. TSCĐ vô hình	193.426.684	178.384.384	-7,77
III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	25.062.104.932	25.419.377.659	1,42
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	26.705.909.000	26.350.000	-99,90
1. Đầu tư vào CTCP Vàng Lào Cai			
- Giá gốc	31.813.500.000	-	-
- Dự phòng	(5.179.631.000)	-	-
2. Đầu tư vào CTCP Gang thép Lào Cai			
- Giá gốc	-	26.350.000	-
- Dự phòng	-	-	-
V. Tài sản dài hạn khác	27.233.615.161	35.575.506.249	30,63
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	164.941.683.777	159.828.879.155	-3,10

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 của Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico)

Bảng số 16: Tình hình nợ phải trả của Công ty năm 2018 - 2019

NỢ PHẢI TRẢ	Năm 2018 (Đồng)	Năm 2019 (Đồng)	Thay đổi 2019 so với 2018 (%)
A. NỢ PHẢI TRẢ	125.229.784.383	122.048.980.346	-2,54
I. Nợ ngắn hạn	121.591.172.383	119.618.188.346	-1,62
1. Phải trả người bán ngắn hạn	47.515.777.956	43.222.039.306	-9,04
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	6.241.160.170	903.490.534	-85,5
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	53.204.639.491	65.999.903.837	24,05
4. Phải trả người lao động	5.215.280.020	2.405.110.560	-24,7

5. Phải trả ngắn hạn khác	1.402.215.103	1.478.242.481	5,42
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	7.257.820.000	4.407.820.000	-39,3
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	754.270.624	201.572.628	-73,3
II. Nợ dài hạn	3.638.612.000	2.430.792.000	-33,2
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	3.638.612.000	2.430.792.000	-33,2

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 của Công ty)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2019, Công ty duy trì ổn định cơ cấu tổ chức, quản lý, tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chính sách đã đề ra trong những năm trước đây.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

♣ Thuận lợi:

- Công ty tiếp tục nhận được sự ủng hộ của Tổng công ty Khoáng sản – TKV cũng như địa phương nơi Công ty sản xuất, kinh doanh.

- Tập thể CBCNV toàn Công ty đoàn kết, gắn bó, đồng thuận cao với mục tiêu xây dựng Công ty phát triển. Đây là điều kiện để Công ty vượt qua những khó khăn hiện tại.

♣ Khó khăn:

- Năm 2020 được dự báo sẽ còn nhiều khó khăn, giá quặng sắt chưa ổn định, vẫn đang ở mức thấp, tiêu thụ chậm ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch SXKD.

- Công ty không được Tổng công ty giao khối lượng bốc xúc và vận chuyển tại mỏ tuyển đồng Sin Quyền như các năm trước đây.

- Công ty tham gia bốc xúc và vận chuyển tại mỏ đồng Tả Phời nhưng thiếu máy móc thiết bị, điều kiện thi công gặp rất nhiều khó khăn như độ dốc lớn (TB > 13%), đường chật và không được rải đá, 7 - 8 đơn vị thi công chạy cùng một đường nên phải chờ nhau, thi công phụ thuộc rất lớn vào thời tiết, chỉ mưa nhỏ là phải nghỉ, tạnh mưa là phải chờ 3 - 4 ngày đường khô mới thi công được, thanh toán chậm.

- Một số lao động lành nghề xin chuyển công tác nên khó khăn cho việc tổ chức sản xuất.

- Cơ chế chính sách thuế, phí, phụ thu... các mỏ tăng cao. Công tác đền bù giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn.

- Điều kiện khai thác mỏ ngày càng khó khăn hơn so với những năm trước.

4.1 Mục tiêu:

Dự kiến được những khó khăn trước mắt Công ty chủ trương tiết giảm tối đa chi phí, tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả trong hoạt động SXKD. Khắc phục mọi khó khăn để tạo đủ việc làm, thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, quyền lợi, chế độ chính sách của Nhà nước và người lao động.

Mục tiêu cơ bản: AN TOÀN - HIỆU QUẢ - ỔN ĐỊNH - PHÁT TRIỂN.

4.2 Nhiệm vụ:

a) Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2020:

- Tổng doanh thu : 147.343 triệu đồng.
- Tổng quỹ lương : 14.753 triệu đồng.
- Lợi nhuận : 2.382 triệu đồng.
- Nộp NSNN : 62.098 triệu đồng.
- Lao động BQ sử dụng : 170 người.
- Thu nhập BQ : 6,83 triệu đồng/người/tháng.

b) Khối lượng sản xuất, tiêu thụ

- Tinh quặng sắt Kíp Tước : 60.735 tấn.
- Tinh quặng sắt Làng Vinh, Làng Cọ : 153.148 tấn.
- Bốc xúc, vận chuyển Tả Phời : 500.000 m³.
- Kinh doanh dầu Diesel : 8.000.000 lít.

c) Đầu tư xây dựng cơ bản

- Dự án khai tuyển Làng Vinh, Làng Cọ : 7.200 triệu đồng.
- Đầu tư bổ sung duy trì SXKD : 800 triệu đồng.

4.3 Các biện pháp chủ yếu để thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020

Để hoàn thành nhiệm vụ năm 2020, Công ty áp dụng đồng bộ các giải pháp sau:

- Tăng cường công tác quản lý bảo vệ tài nguyên.
- Khai thác có chọn lọc, tiết kiệm tối đa tài nguyên nhằm giảm giá thành sản xuất.
- Đầu tư, huy động thiết bị linh hoạt có trọng tâm phù hợp với yêu cầu thực tế trong từng giai đoạn sản xuất. Tăng thời gian làm việc của các máy móc thiết bị.
- Phối hợp chặt chẽ với Công ty cổ phần đồng Tả Phời – Vinacomin tổ chức xúc bốc, vận chuyển tại mỏ đồng Tả Phời.
- Phối hợp chặt chẽ với Công ty cổ phần xăng dầu Tự Lực I để cung cấp dầu Diesel cho Chi nhánh mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai – Vimico.
- Tìm kiếm nhà đầu tư để Hợp tác kinh doanh đối với mỏ sắt Làng Vinh, Làng Cọ.
- Tiếp tục cơ cấu lại cho phù hợp với đề án Tái cơ cấu của Tổng công ty Khoáng sản – TKV giai đoạn 2017 -2020.
- Tăng cường công tác đào tạo đội ngũ công nhân vận hành, đội ngũ cán bộ kỹ thuật, cán bộ chỉ huy sản xuất để sử dụng và phát huy tối đa năng suất của các thiết bị dây chuyền. Có chính sách thích hợp để thu hút nguồn nhân lực có trình độ, đặc biệt là kỹ sư cơ điện, tuyển khoáng, trắc địa... có kinh nghiệm nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất hiện tại cũng như đào tạo chuẩn bị cho các năm sau này.
- Chủ động tìm kiếm thêm việc làm để tăng doanh thu, lợi nhuận và thu nhập

- Thực hiện tốt công tác An toàn - Vệ sinh lao động - Phòng chống cháy nổ - An toàn môi trường trong mọi hoạt động sản xuất, đảm bảo không để xảy ra tai nạn lao động nặng và sự cố đáng tiếc. Hoàn thiện hệ thống nội quy, quy định, sổ sách, tài liệu phù hợp quy định chung của Tổng công ty, của Công ty và điều kiện thực tế của từng đơn vị sản xuất.

- Tăng cường công tác lãnh đạo của Đảng uỷ trong Công ty. Cùng cố phát huy vai trò, trách nhiệm các tổ chức đoàn thể quần chúng. Đẩy mạnh phong trào thi đua lao động sản xuất và các phong trào hoạt động văn hoá thể thao, an ninh quốc phòng. Tích cực đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực, tệ nạn xã hội, xây dựng cuộc sống văn hoá trong đơn vị. nêu cao trách nhiệm cá nhân tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của người quản lý.

- Đẩy mạnh phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất, coi đây là một nội dung quan trọng góp phần hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

Hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico đã làm tốt công tác môi trường, tiết kiệm tiêu thụ nước, năng lượng. Mọi chất thải độc hại của Công ty đều được thu gom, xử lý đúng quy định của pháp luật. Bãi thải rắn của Công ty được thiết kế và thi công đúng theo quy phạm an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Trong năm 2019, mặc dù Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh nhưng Công ty vẫn duy trì tốt các chính sách chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, sức khỏe cho người lao động.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Trong năm qua, Công ty đã hoàn thành tốt trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng địa phương, tham gia tích cực vào các phong trào xây dựng địa phương nơi Công ty kinh doanh, sản xuất.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Kết quả thực hiện KHSXKD, ĐTXD năm 2019 so với kế hoạch được ĐHCĐ thường niên năm 2019 thông qua như sau:

* Khai thác, chế biến khoáng sản

- Tinh quặng sắt (60%Fe): 60.006,535 tấn, đạt 100% KHĐC, đạt 80% Nghị quyết ĐHĐCĐ 2019.

- Quặng sắt Làng Vinh, Làng Cọ (52±1)% Fe: 108.784,89 tấn, đạt 108,7% Nghị quyết ĐHĐCĐ 2019.

* Khai thác, bốc xúc thuê ngoài

- Khai thác quặng vàng Minh Lương: 434,3 m3, đạt 100% Nghị quyết ĐHĐCĐ 2019.

- Bốc xúc, vận chuyển Sin Quyền: 798.879 m3, đạt 107,5 % KHĐC và bằng 79,8 % Nghị quyết ĐHĐCĐ 2019.

- Công tác khác: San gạt đất đá Sin Quyền: 258.677 m3; Xúc xỉ Luyện đồng Lào Cai: 44.837,15 tấn và 91 ca máy.

* Kinh doanh dầu Diesel:

Dầu Diesel cung cấp cho mỏ tuyển đồng Sin Quyền: 1.479.283 lít, đạt 36,98 % Kế hoạch điều chỉnh.

* Đầu tư XD CB: 357,2 triệu đồng, đạt 5,28% Nghị quyết ĐHĐCĐ 2019.

* Đối với việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất trụ sở cũ: Công ty đã thuê đơn vị tổ chức đấu giá nhưng việc đấu giá tài sản trên đất chưa thành công. Trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục tìm kiếm để chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho các tổ chức và cá nhân có đủ điều kiện.

* Thực hiện các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp:

- | | |
|-----------------------------|--|
| - Tổng doanh thu: | 119.922 tr.đồng, đạt 91,06 % KHĐC và bằng 81,14% Nghị quyết ĐHĐCĐ 2019. |
| - Lợi nhuận: | 1.074 tr.đồng, đạt 43,69 % Nghị quyết ĐHĐCĐ 2019 |
| - Quỹ tiền lương thực hiện: | 13.071 tr.đồng, đạt 100% KHĐC và bằng 80,77% Nghị quyết ĐHĐCĐ 2019. |
| - Lao động BQSD: | 167 người, đạt 101,21 % KHĐC và bằng 83,5% Nghị quyết ĐHĐCĐ 2019. |
| - Tiền lương bình quân: | 6,52 tr.đồng/ng/tháng, đạt 96,74% KHĐC và bằng 96,59% Nghị quyết ĐHĐCĐ 2019. |
| - Nộp NSNN: | 40.186 tr.đồng, đạt 78,03% KHĐC và bằng 69,78% Nghị quyết ĐHĐCĐ 2019. |

Do những khó khăn trong hoạt động SXKD, ĐTXDCB năm 2019, hoạt động sản xuất kinh doanh bị thu hẹp do bị cắt giảm khối lượng bốc xúc tại mỏ Sin Quyền,... nên nhìn chung Công ty chưa hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2019.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Năm 2019 là một năm Công ty gặp rất nhiều khó khăn do giá khoáng sản nói chung và giá quặng sắt nói riêng đã phục hồi nhưng vẫn ở mức thấp (nguồn thu chính

của Công ty), Công ty chấm dứt thi công bóc xúc tại mỏ tuyển đồng Sin Quyền từ 15/8/2019, chấm dứt khai thác và bảo vệ mỏ vàng Minh Lương từ 01/3/2019.

Trong công tác quản lý, điều hành Ban Giám đốc luôn chấp hành nghiêm kỷ luật điều hành của Tổng công ty, của HĐQT, đặc biệt trong điều hành tiết giảm chi phí, thúc đẩy nâng cao năng suất lao động, nâng cao hiệu quả SXKD của Công ty. Mặt khác dưới sự chỉ đạo, tạo mọi điều kiện của Tổng công ty Khoáng sản – TKV, của HĐQT, sự năng động sáng tạo trong điều hành SXKD của BGĐ Công ty, cộng với sự đoàn kết thống nhất, sự nỗ lực phấn đấu cao trong toàn thể CBCNV – LĐ trong Công ty. Đặc biệt với bản lĩnh chính trị vững vàng, Đ/c Giám đốc đã nỗ lực hết mình để vượt qua mọi khó khăn thử thách. Do vậy Công ty bảo toàn được vốn.

Trong năm 2019 Ban Giám đốc đã làm tốt công tác bảo vệ và phát triển tài nguyên, đã phối hợp tốt với các ban ngành UBND tỉnh Lào Cai, UBND huyện Văn Bàn để bảo vệ các mỏ của đơn vị được giao quản lý.

Ban Giám đốc luôn gương mẫu chấp hành và lãnh đạo đơn vị chấp hành tốt mọi chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, của cấp trên, của địa phương nơi đơn vị đóng địa bàn. Tích cực thực hành tiết kiệm chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội một cách triệt để.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2020, bên cạnh những khó khăn chung do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid – 19 làm giá kim loại giảm sâu, hoạt động sản xuất kinh doanh của tất cả các ngành bị đình trệ,... Công ty còn tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn thách thức đó là: giá quặng sắt vẫn ở mức thấp và chậm phục hồi, chính sách thuế phí tiếp tục tăng cao, công tác đền bù GPMB, thuê đất gặp nhiều khó khăn, thủ tục triển khai dự án đầu tư phức tạp, việc thi công bóc xúc thuê bị ảnh hưởng do tình hình khó khăn của các chủ mỏ,...

Trước tình hình đó, HĐQT Công ty tập trung ưu tiên chỉ đạo các mặt hoạt động sau:

3.1. Chỉ đạo tổ chức thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020 với các nội dung chủ yếu:

3.1.1. Hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch SXKD và các nhiệm vụ chính trong SXKD như sau:

** Tổng hợp các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2020:*

- Tổng doanh thu	: 147.343 triệu đồng.
- Tổng quỹ lương	: 14.753 triệu đồng.
- Lợi nhuận	: 2.382 triệu đồng.
- Nộp NSNN	: 62.098 triệu đồng.
- Lao động BQ sử dụng	: 180 người.
- Thu nhập BQ	: 6,83 triệu đồng/người/tháng.

** Khối lượng sản xuất và tiêu thụ:*

- Tinh quặng sắt Kíp Tước	: 60.735 tấn.
- Tinh quặng sắt Làng Vinh, Làng Cọ	: 153.148 tấn.
- Bóc xúc, vận chuyển Tà Phời	: 500.000 m ³ .
- Kinh doanh dầu Diesel	: 8.000.000 lít.

** Đầu tư xây dựng cơ bản:*

- Dự án khai tuyến Làng Vinh, Làng Cọ : 7.200 triệu đồng.
- Đầu tư bổ sung duy trì SXKD : 800 triệu đồng.

3.1.2. Chỉ đạo thực hiện tốt các chỉ tiêu tài chính năm 2020, đảm bảo cân đối và thu xếp đủ vốn để thực hiện đầu tư, đáp ứng yêu cầu SXKD, bảo toàn và phát triển vốn của cổ đông. Đẩy mạnh quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro.

3.1.3. Chuẩn bị các nguồn lực để chuẩn bị cho Kế hoạch SXKD năm 2020: Năng lực hoạt động của thiết bị; bổ sung, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tài nguyên sẵn sàng.

3.2. Tăng cường giám sát và chỉ đạo Bộ máy quản lý, điều hành thực hiện tốt các mặt quản lý:

3.2.1. Công tác tổ chức quản lý

- Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng các cuộc họp HĐQT, các thành viên HĐQT thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình. Phát huy các mặt đã làm được và kịp thời khắc phục các mặt yếu kém chưa làm được.

- Thực hiện tốt chính sách đối với người lao động, nhất là việc khoán chi phí, trả lương, thưởng hợp lý động viên người lao động tăng năng suất, tiết kiệm chi phí .

- Tiếp tục tiến hành rà soát, bố trí lại cán bộ từ Công ty đến các phòng quản lý, các phân xưởng,... đảm bảo đủ cả về số lượng lẫn chất lượng để Công ty hoạt động phát triển .

- Tiếp tục rà soát, bổ sung, xây dựng mới một số quy chế quản lý của Công ty như: Quản lý công tác kế hoạch, giá thành, đầu tư, vật tư, cơ điện, kỹ thuật, tài chính, tiền lương, hành chính, an toàn lao động ...

3.2.2. Công tác quản trị chi phí

- Tiếp tục hoàn thiện công tác quản lý, quản trị chi phí từ Công ty đến các xí nghiệp thành viên. Tăng cường áp dụng các tiên bộ kỹ thuật vào sản xuất nhằm tiết kiệm chi phí. Xây dựng chi tiết đơn giá giao khoán trong nội bộ phục vụ cho khoán trong Công ty.

- Đối với công tác quản lý kỹ thuật cơ bản: Rà soát, hoàn thiện công tác QLKTCB trong khai thác, tuyển khoáng, cơ điện và tổ chức thực hiện tại mỏ sắt Kíp Tước, mỏ sắt Làng Vinh - Làng Cọ, mỏ Caolin - Fenspat; hoàn thiện, xây dựng các định mức tại mỏ Kíp Tước, mỏ sắt Làng Vinh - Làng Cọ, mỏ Caolin - Fenspat phục vụ cho công tác khoán; hoàn thiện các hệ thống quản lý kỹ thuật, hệ thống sổ sách thống kê, nghiệm thu, theo dõi quá trình sản xuất...

3.2.3. Công tác tiêu thụ sản phẩm

- Đẩy mạnh công tác tiêu thụ quặng sắt tại mỏ Kíp Tước, mỏ sắt Làng Vinh - Làng Cọ, quặng Caolin - Fenspat đảm bảo tuân theo các quy định của Tổng công ty, của Tập đoàn và Nhà nước. Mở rộng thị trường tiêu thụ quặng sắt, Caolin - Fenspat, đặc biệt chú ý về chất lượng sản phẩm để tăng sức cạnh tranh.

- Tiếp tục triển khai và tổ chức tốt việc kinh doanh xăng dầu trên cơ sở tận dụng năng lực, lợi thế các cổ đông và Công ty.

- Xem xét, nghiên cứu phương án thực hiện đầu tư dự án khai thác mỏ sắt Làng Vinh – Làng Cọ phù hợp để tổ chức triển khai đảm bảo có hiệu quả hoặc thu hồi được vốn đã đầu tư.

- Nghiêm túc chấp hành các quy định của Nhà nước trong hoạt động đấu thầu, quản lý hợp đồng xây dựng, quản lý đầu tư xây dựng công trình, đảm bảo chất lượng và tiến độ thực hiện các dự án.

3.2.5. Công tác địa chất thăm dò phát triển tài nguyên:

- Tập trung làm việc với các cơ quan chức năng hoàn thiện các công tác xin cấp phép khai thác mỏ Caolin – Fenspat.

- Thành lập tổ tìm kiếm thăm dò để thăm dò 1 số điểm mỏ mới.

3.2.6. Công tác điều hành kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh

- Tổ chức điều hành sản xuất một cách linh hoạt, thích ứng với công tác quản lý của Tổng công ty, của Tập đoàn với tình hình kinh tế từng thời điểm. Ngoài việc tổ chức thực hiện khai thác quặng sắt tại mỏ sắt Kíp Tước, mỏ sắt Làng Vinh – Làng Cọ, quặng kaolin - fenspat tại mỏ Hang Dơi, tìm kiếm thêm việc thi công bóc xúc thuê ngoài để tận dụng các thiết bị, lợi thế của Công ty.

- Tiếp tục chỉ đạo Ban giám đốc tích cực bám sát, làm việc với UBND tỉnh Lào Cai, các sở, ban ngành tỉnh Lào Cai điều chỉnh giảm mức phụ thu từ khai thác quặng sắt.

- Thực hiện đúng pháp luật về hoạt động khoáng sản, an toàn vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường.

3.2.7. Quan tâm đến xây dựng, đào tạo và bổ sung cán bộ đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ. Hoàn thiện bộ máy quản lý, nâng cao năng lực quản lý của cán bộ. Xây dựng kỷ luật, kỷ cương và văn hóa doanh nghiệp.

3.2.8. Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động của Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT được quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các quy định hiện hành.

3.2.9. Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức chính trị xã hội của Công ty để vượt qua khó khăn và phát huy sức mạnh tổng hợp trong quá trình SXKD vì mục tiêu phát triển của Công ty, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, xây dựng Công ty ngày càng ổn định và phát triển.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Bảng số 17: Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Số lượng chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại công ty khác
1	Ông Ngô Quốc Trung	Chủ tịch HĐQT (Khai nhiệm điều hành)		

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Số lượng chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại công ty khác
2	Ông Nguyễn Cao Khương	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc (Điều hành)	3,36%	
3	Ông Cao Anh Hào	Thành viên HĐQT (Không điều hành)		
4	Ông Nguyễn Tuấn Vinh	Thành viên HĐQT (Không điều hành)	11,19%	
5	Ông Hoàng Tuấn Anh	Thành viên HĐQT (Không điều hành)	0,64%	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2019, HĐQT luôn đảm bảo tính tập trung, thống nhất, liên tục và kế thừa. Hội đồng quản trị đã thực hiện khá tốt chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình được quy định trong Điều lệ Công ty để quản lý và điều hành Công ty.

HĐQT đã phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT phụ trách các công việc phù hợp với tình hình thực tế ở mỗi giai đoạn. Các thành viên HĐQT đã tích cực hoạt động theo nhiệm vụ được phân công, thực hiện tốt các quy định của Điều lệ Công ty trong việc giám sát và chỉ đạo điều hành hoạt động SXKD của Công ty. Về cơ bản, các thành viên HĐQT đều hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

HĐQT đã duy trì các cuộc họp thường kỳ và đột xuất để giải quyết kịp thời các công việc phát sinh. Nội dung và trình tự các phiên họp đều được thực hiện nghiêm túc, theo đúng Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.

Ngày 25/4/2019, HĐQT đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành đề nghị UBND tỉnh Lào Cai và các Sở ban ngành có liên quan điều chỉnh giảm mức phụ thu từ khai thác quặng sắt nhưng chưa được đáp ứng.

Trong năm 2019, ngoài việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên, HĐQT còn tổ chức 09 phiên họp HĐQT, ban hành 09 Nghị quyết. Các Nghị quyết, Quyết định đều được chuẩn bị kỹ lưỡng, cân trọng và có sự thống nhất cao trong HĐQT. Các Nghị quyết, Quyết định đã bám sát với tình hình thực tiễn, bám sát với môi trường kinh doanh của Công ty và phù hợp với chủ trương, chính sách của Nhà nước, cấp

Các Nghị quyết của HĐQT trong năm 2019 cụ thể là:

1. Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐQT ngày 02/02/2019: Thôn qua phương án thoái vốn tại Công ty cổ phần vàng Lào Cai.

2. Nghị quyết số 02/2019/NQ – HĐQT ngày 15/02/2019: Phê duyệt phương án thuê ngoài khai thác, bốc xúc và vận chuyển đất, đá, quặng.

3. Nghị quyết số 03/2019/NQ – HĐQT ngày 15/03/2019: Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu phương án thuê ngoài khai thác và vận chuyển đất, đá, quặng.

4. Nghị quyết số 04/2019/NQ – HĐQT ngày 03/4/2019: Thông qua báo cáo kết quả SXKD 2018, kế hoạch SXKD năm 2019, thông qua hệ thống thang bảng lương 2019, thông qua đơn giá tiền lương năm 2018, quỹ lương người lao động và viên chức quản lý năm 2018, thông qua kế hoạch tổ chức ĐHCĐ 2019.

5. Nghị quyết số 05/2019/NQ – HĐQT ngày 16/6/2019: Thông qua kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2019, kế hoạch SXKD 6 tháng cuối năm 2019.

6. Nghị quyết số 06/2019/ NQ – HĐQT ngày 04/9/2019: Phê duyệt Phương án hợp tác kinh doanh dầu Diesel năm 2019 giữa Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico và Công ty cổ phần xăng dầu Tự Lực I.

7. Nghị quyết số 07/2019/ NQ - HĐQT ngày 17/10/2019: Phê duyệt giá sản chuyển nhượng phần tài sản trên thửa đất tại xã Tân Lĩnh, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội thuộc Công ty Cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico và Miễn nhiệm, Bổ nhiệm Người quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty.

8. Nghị quyết số 08/2019/ NQ - HĐQT ngày 02/12/2019 Phê duyệt việc thanh lý TSCĐ và vật tư phế liệu đã qua sử dụng và phê duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2019 điều chỉnh

9. Nghị quyết số 09/2019/ NQ - HĐQT ngày 06/12/2019: Phê duyệt Kế hoạch SXKD năm 2019 điều chỉnh.

d) **Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập**

Công ty không có thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

e) **Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty**

Bảng số 18: Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chứng chỉ
1	Ông Nguyễn Cao Khương	Thành viên HĐQT – Giám đốc Công ty	Quản trị Kinh doanh cao cấp Tổng công ty Khoáng sản – Vinacomin
2	Ông Hoàng Tuấn Anh	Thành viên HĐQT	Quản trị Kinh doanh Tổng công ty Khoáng sản - Vinacomin

Bảng số 19: Thành viên Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Bà Phạm Thị Ngọc Linh	Trưởng Ban kiểm soát	
2	Ông Nguyễn Văn Thanh	TV Ban kiểm soát	0,58%
3	Ông Mai Văn Thành	TV Ban kiểm soát	0,57%

(Nguồn: CTCP Khoáng sản 3 – Vimico)

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát:

✦ Trong năm 2019, Ban kiểm soát đã thực hiện các hoạt động sau:

- Tiến hành Kiểm soát định kỳ theo quy định;
- Tham gia một số cuộc họp của HĐQT trong năm;
- Xem xét thư quản lý của Kiểm toán độc lập và theo dõi việc thực hiện các kiến nghị của KTDL;
- Theo dõi việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, các Nghị quyết HĐQT trong năm 2019 và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành trước Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Mỗi thành viên Ban Kiểm soát đều thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng và tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và các cổ đông. Trung thành với lợi ích của Công ty và của các cổ đông không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
- Do mỗi thành viên Ban Kiểm soát đều kiêm nhiệm nên đôi khi việc thực hiện chức trách của Ban Kiểm soát còn chưa kịp thời, chưa sát sao với hoạt động của đơn vị.

✦ Các cuộc họp của Ban Kiểm soát trong năm 2019:

- Cuộc họp lần thứ 1: ngày 20/3/2019.
- Cuộc họp lần thứ 2: ngày 16/10/2019.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao các khoản lợi ích:

Bảng số 20: Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Lương, thưởng	Thù lao (HĐQT, BKS, BGĐ)	Tổng thu nhập
1	Ngô Quốc Trung	Chủ tịch HĐQT			
2	Nguyễn Cao Khương	Giám đốc Công ty, Thành viên HĐQT	207.602.773		207.602.773

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Lương, thưởng	Thù lao (HĐQT, BKS, BGĐ)	Tổng thu nhập
3	Cao Anh Hào	Thành viên HĐQT			
4	Nguyễn Tuấn Vinh	Thành viên HĐQT			
5	Hoàng Tuấn Anh	Thành viên HĐQT, Trưởng phòng KT-CD-ATMT, Chủ tịch Công đoàn Công ty	71.465.500		71.465.500
6	Phạm Thị Ngọc Linh	Trưởng BKS			
7	Nguyễn Văn Thanh	Thành viên BKS, Chánh Văn phòng Công ty	136.110.545		136.110.545
8	Mai Văn Thành	Trưởng phòng KH-ĐT, Thành viên BKS	128.356.865		128.356.865
9	Nguyễn Văn Vĩnh	Phó Giám đốc Công ty	180.924.046		180.924.046
10	Trần Trung Thành	Kế toán trưởng	163.608.724		163.608.724

(Nguồn: Công ty cổ phần Khoáng sản 3 – Vimico)

b) *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:* Không có.

c) *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:*

Không có.

d) *Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:*

Không có phát sinh.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Khoáng sản 3 - Vimico tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh:

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 27 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính. Tại thời điểm 31/12/2019, các khoản nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là 34 372 650 443 đồng làm nghi ngờ đến tính hoạt động liên tục của Công ty trong

tương lai gần. Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên giả định hoạt động liên tục do Ban Lãnh đạo Công ty tin tưởng rằng hoạt động của Công ty trong tương lai sẽ có nguồn thu từ hoạt động kinh doanh và tiếp tục nhận được cung cấp tài chính từ các tổ chức tín dụng cũng như các cổ đông và nhà đầu tư.

2. Thuyết minh số 28 tại Báo cáo tài chính:

Đối với chi phí cấp quyền khai thác của các mỏ cho giai đoạn từ ngày 01/07/2011 đến 31/12/2013, căn cứ vào công văn số 723/TTg - KTN ngày 21/05/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc tháo gỡ một số vấn đề vướng mắc trong lĩnh vực địa chất, khoáng sản, Chính phủ đồng ý chưa thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với phần trữ lượng đã khai thác trong thời gian này cho đến khi Ủy ban thường vụ Quốc hội có quyết định về việc thu tiền nên Công ty mẹ chưa phản ánh chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản của giai đoạn này.

Liên đến việc tính toán chi phí hoàn nguyên môi trường (hay chi phí cải tạo, phục hồi môi trường) các mỏ phải xây dựng được phương án hoàn nguyên. Hiện tại do Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP chưa có văn bản hướng dẫn việc tính và phân bổ chi phí hoàn nguyên cho các mỏ đã khai thác. Công ty đang kết hợp với Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP và các đơn vị thành viên của Tổng Công ty nghiên cứu, xây dựng chi phí hoàn nguyên phù hợp với thực tế các chi phí dự kiến phát sinh khi đóng các mỏ. Do đó có thể sẽ phát sinh thêm một khoản công nợ tiềm tàng từ sự kiện này.

3. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán năm 2019 của Công ty bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY.

Nội dung Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 đã được đăng tải trên website của Công ty: <http://khoangsan3.com.vn>.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GDCKHN;
- Cổ đông;
- Website Công ty;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Cao Khương